

Số: /BC-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh và đối ngoại giai đoạn 2021 – 2025 và nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2026 – 2030

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 18/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 và Công văn số 16684/BTC-NSNN ngày 24/10/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn đánh giá thực hiện Kế hoạch PTKTXH 5 năm 2021-2025, dự kiến Kế hoạch PTKTXH 5 năm 2026-2030; qua kết quả rà soát tổng hợp, UBND tỉnh Gia Lai kính báo cáo Bộ Tài chính như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG – AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

I. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH

Tỉnh Gia Lai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025 trong bối cảnh thế giới và khu vực có nhiều biến động nhanh, phức tạp, khó lường, chưa từng có tiền lệ. Đại dịch COVID-19 để lại những hậu quả nghiêm trọng, tác động sâu rộng đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội. Xung đột vũ trang, bất ổn chính trị tại một số khu vực, nhất là tại Ucraina, Trung Đông, dải Gaza... tiếp tục kéo dài, nguy cơ leo thang, khó kiểm soát. Kinh tế thế giới phục hồi chậm, thiếu vững chắc, còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức lớn. Chính sách thuế đối ứng của Hoa Kỳ ảnh hưởng tiêu cực đến triển vọng tăng trưởng, lạm phát, thương mại, môi trường kinh doanh toàn cầu.

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo có bước phát triển đột phá, tác động sâu rộng và đa chiều trên phạm vi toàn cầu, đặt ra nhiều yêu cầu mới trong quản lý, quản trị và thách thức trong tận dụng cơ hội chiến lược để bứt phá. Chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển bền vững, bao trùm trở thành xu thế không thể đảo ngược.

Trong nước, dưới tác động của tình hình thế giới và hậu quả của đại dịch COVID-19, thiên tai, bão lũ, sạt lở diễn ra với tần suất nhanh, cường độ mạnh... kinh tế, xã hội nước ta phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức lớn, rất gay gắt, nặng nề. Tuy nhiên, kinh tế của nước ta sự phục hồi rõ nét và lấy lại đà tăng trưởng, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm, lạm phát được kiểm soát, chính trị - xã hội ổn định. Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tiếp tục được đẩy mạnh. Quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự và an toàn xã hội được bảo đảm. Đối ngoại, hội nhập quốc tế đã có nhiều bước tiến lớn; uy

tín và vị thế đất nước trên trường quốc tế được nâng cao. Đặc biệt, hai năm cuối nhiệm kỳ, đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, ban hành nhiều quyết sách mang tính lịch sử, có ý nghĩa chiến lược, mở ra bước ngoặt lớn trong tiến trình phát triển của đất nước, nhất là cuộc “cách mạng” về sắp xếp, tinh gọn bộ máy, xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, các Nghị quyết của Bộ Chính trị¹ trên các lĩnh vực, quyết tâm điều chỉnh mục tiêu tăng trưởng năm 2025 từ 6,5-7% (phần đầu 7-7,5%) lên đạt từ 8% trở lên và chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương chủ động, nỗ lực, quyết tâm cao nhất để hoàn thành mục tiêu đề ra, tạo nền tảng vững chắc đưa đất nước ta bước vào giai đoạn phát triển mới.

Trong tình, tác động của đại dịch Covid-19 trong 02 năm đầu nhiệm kỳ và tình hình địa chính trị thế giới có những diễn biến diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường cùng với tình hình biến đổi khí hậu đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và tỉnh ta nói riêng. Xuất phát điểm nền kinh tế của 2 tỉnh thấp, hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn 2 tỉnh có quy mô nhỏ, chưa có doanh nghiệp lớn làm đầu tàu, động lực để tạo bước đột phá nhằm thúc đẩy kinh tế của 2 tỉnh phát triển nhanh. Hạ tầng kinh tế chưa đồng bộ, hiện đại. Nguồn lực đầu tư cho phát triển còn hạn chế, thu ngân sách còn thấp nên ảnh hưởng đến chi đầu tư phát triển.

Nhìn chung, bối cảnh thế giới, khu vực và trong nước diễn biến hết sức phức tạp, khó lường, các yếu tố ảnh hưởng tới phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh trong 5 năm qua là rất thách thức. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự vào cuộc quyết liệt, nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị, toàn dân, toàn quân, cộng đồng doanh nghiệp tỉnh ta đã đạt được những kết quả quan trọng, toàn diện, nhiều điểm sáng nổi bật, cơ bản hoàn thành các mục tiêu chủ yếu đề ra.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH 5 NĂM 2021-2025

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu: chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm theo

2. Kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19, bảo đảm đời sống xã hội trở lại hoạt động bình thường, tạo nền tảng quan trọng để phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội

Trong hai năm đầu nhiệm kỳ, cả hệ thống chính trị và người dân tỉnh Bình Định và Gia Lai (trước hợp nhất) đã đồng lòng chung sức trong công tác phòng, chống dịch Covid-19. Tỉnh ủy, UBND tỉnh 2 tỉnh đã có những chỉ đạo kịp thời, quyết liệt để triển khai các biện pháp phòng, chống dịch trên địa bàn tỉnh; thường xuyên tổ chức các buổi làm việc với Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh ở người và họp trực tuyến với các địa phương trong tỉnh về triển khai những biện pháp phòng, chống dịch; ban hành Kế hoạch phân công theo dõi, kiểm tra tại các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh và chỉ đạo một số lĩnh vực quan trọng của công tác phòng, chống dịch Covid-19 trong tình hình mới, góp phần kiểm soát cơ bản dịch bệnh trên địa bàn tỉnh. Với “mục tiêu kép” vừa chống dịch, vừa phát triển kinh tế, tỉnh đã tích cực, chủ động triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo từng ngành, lĩnh vực từ đầu năm 2021.

¹ Các Nghị quyết của Bộ Chính trị: số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; số 59-NQ/TW ngày 21/1/2025 về hội nhập quốc tế trong hình mới; số 66/NQ-TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân; số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; số 72-NQ/TW về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; sắp tới là các Nghị quyết về kinh tế nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, văn hóa

Tuy nhiên, dịch Covid-19 bùng phát mạnh trong tỉnh từ cuối tháng 7 đến cuối tháng 9 năm 2021 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội của 02 tỉnh. Hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn do phải áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch. Dịch Covid-19 không chỉ ảnh hưởng đến ngành du lịch, thương mại, lao động việc làm, mà còn tác động đến các ngành, lĩnh vực khác như: công nghiệp, nông nghiệp, thu ngân sách, tăng trưởng kinh tế và các hoạt động văn hóa, xã hội, đời sống nhân dân...

Nhằm sớm chuyển sang trạng thái phòng, chống, thích ứng linh hoạt, an toàn, hiệu quả với dịch Covid-19 và khôi phục hoạt động kinh tế - xã hội trong điều kiện mới, UBND 02 tỉnh đã ban hành và triển khai, thực hiện Kế hoạch “Thích ứng an toàn trong phòng, chống dịch Covid-19 và phục hồi phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh” với lộ trình, bước đi cụ thể căn cứ trên mức độ tiềm ẩn cùng với việc xét nghiệm có trọng tâm, trọng điểm; mở cửa từng bước chắc chắn và có điều kiện, đảm bảo nâng cao năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh và khả năng chống chịu của nền kinh tế. Đồng thời, tỉnh tập trung ưu tiên cho công tác bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo đời sống nhân dân; triển khai nhanh, có hiệu quả các chính sách hỗ trợ đã có và nghiên cứu bổ sung các hình thức hỗ trợ cần thiết cho đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, nhất là nhu yếu phẩm, lương thực.

Hai tỉnh đã quyết liệt triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19, đã tiêm hơn 7,9 triệu liều vắc-xin COVID-19, tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Giải ngân vốn đầu tư công chuyển biến tích cực; nhiều công trình kết cấu hạ tầng trọng yếu được triển khai thi công; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, ổn định đời sống và chăm lo sức khỏe của nhân dân. Tuy ở trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nhưng kinh tế - xã hội của 02 tỉnh trong 02 năm đầu nhiệm kỳ vẫn có sự phát triển, tạo động lực cho phát triển kinh tế trong những năm tiếp theo. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội được quan tâm chỉ đạo; an sinh xã hội và phúc lợi xã hội cơ bản được bảo đảm; quốc phòng, an ninh được giữ vững.

2. Nền kinh tế của tỉnh tuy gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn duy trì tăng trưởng khá, theo hướng bền vững

2.1. Ngành công nghiệp – xây dựng có mức tăng trưởng và phát triển khá

Sản xuất công nghiệp có bước phát triển và tăng trưởng khá; cơ cấu ngành công nghiệp trong nền kinh tế chuyển dịch đúng hướng; tỷ trọng ngành chế biến chế tạo, công nghiệp công nghệ cao tăng lên; các ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh giữ vững tốc độ tăng trưởng; công nghiệp năng lượng tái tạo, chế biến các nông, lâm sản chủ lực của tỉnh gắn với các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn được ưu tiên, tạo điều kiện phát triển; một số dự án mới có quy mô lớn, công nghệ hiện đại đã hoàn thành, đi vào hoạt động sản xuất; công tác thu hút các nhà đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp được quan tâm triển khai thực hiện và đạt kết quả tích cực.

Toàn tỉnh hiện có 02 Khu kinh tế (KKT Nhơn Hội và KKT Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh) và 11 Khu công nghiệp đang hoạt động. Giai đoạn 2021-2025 đã thu hút 125 dự án với 153.941 tỷ đồng vốn đăng ký và 40.486 tỷ đồng vốn thực hiện; hiện có 337 doanh nghiệp (trong đó có 31 Doanh nghiệp FDI) sản xuất kinh doanh đã đi vào hoạt động với tổng số lao động 28.636 người.

Đến nay, có 62/99² Cụm công nghiệp (CCN) với tổng diện tích 2.434,0 ha được quyết định thành lập; 62/99 CCN được phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 với diện tích đất công nghiệp 1.594,7 ha; 46/62 CCN đã đi vào hoạt động với tổng diện tích đất công nghiệp 1.112,0 ha, tỷ lệ lấp đầy bình quân các CCN đã đi vào hoạt động 82,4%, đã thu hút 479 dự án với diện tích 916,1 ha, tổng vốn đầu tư 23.199,9 tỷ đồng. Các dự án thứ cấp đang hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả trong các CCN.³ Từ năm 2021 đến nay, đã thu hút các doanh nghiệp làm chủ đầu tư 21 CCN với tổng diện tích 963,1 ha, tổng vốn đầu tư 5.448,2 tỷ đồng⁴, lũy kế đến nay, trên địa bàn tỉnh có 31 CCN⁵ do DN làm chủ đầu tư với tổng diện tích 1.300,6 ha, tổng vốn đầu tư 6.923,4 tỷ đồng. Công tác đầu tư xây dựng và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các CCN được đảm bảo. Hạ tầng kỹ thuật bên ngoài được tiếp tục đầu tư nâng cấp, tu sửa để kết nối đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật các CCN⁶, nhất là đầu tư các tuyến đường vào CCN⁷. Từ năm 2021 đến nay, đã thu hút 95 dự án thuộc lĩnh vực chế biến nông, lâm, thủy, hải sản⁸.

Công tác khuyến công được triển khai tích cực⁹, hoạt động sản xuất kinh doanh của các cơ sở có hiệu quả¹⁰ sau khi được hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công, đóng góp giá trị sản xuất công nghiệp, kim ngạch xuất khẩu, tăng thu ngân sách địa phương, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ, đảm bảo an sinh xã hội...

- Ngành xây dựng tiếp tục phát huy vai trò quan trọng trong cơ cấu ngành công nghiệp – xây dựng Các hoạt động quản lý nhà nước nhằm đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án kết cấu hạ tầng trọng điểm được chú trọng như: Quy hoạch xây dựng; kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật; nhà ở; công sở; thị trường bất động sản; vật liệu xây dựng... Tỉnh đã triển khai Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030”.

2.2. Sản xuất nông nghiệp phát triển khá toàn diện, chất lượng, hiệu quả được nâng lên; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền

² Theo Phương án phát triển Cụm công nghiệp (CCN) tỉnh tích hợp trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trên địa bàn tỉnh Gia Lai có 99 CCN với tổng diện tích 5.412,4 ha, bình quân 54,7 ha/CCN

³ đã tạo ra giá trị sản xuất công nghiệp bình quân 30 tỷ đồng/ha, chiếm khoảng 20% so tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh; kim ngạch xuất chiếm 35% so tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh; giải quyết việc làm hơn 26.800 lao động góp phần phát triển công nghiệp trong nông thôn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân trên địa bàn tỉnh.

⁴ Riêng 8 tháng đầu năm 2025 tổ chức triển khai lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đối với 10 CCN với tổng diện tích 517,7 ha, tổng vốn đầu tư 2.801,6 tỷ đồng.

⁵ Bình Định: 27 CCN với tổng diện tích 1.038,4 ha, tổng vốn đầu tư 5.382,3 tỷ đồng; Gia Lai (trước sáp nhập): 04 CCN với tổng diện tích 262,2 ha, tổng vốn đầu tư 1.386,1 tỷ đồng.

⁶ Đã xây dựng và triển khai thực hiện các nội dung của Đề án bố trí quỹ đất để hình thành, phát triển CCN; khu chế biến nông, lâm, thủy, hải sản tập trung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025; trong đó, ưu tiên bố trí 335,5 ha đất phục vụ chế biến nông, lâm, thủy, hải sản.

⁷ Bổ sung danh mục đầu tư dự án Đường kết nối 26-3, phường Tam Quan đến CCN Hoài Châu vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường Trần Hưng Đạo kết nối Quốc lộ 1A với CCN Gò Mít, cụm công nghiệp Cát Hiệp đến ĐT 638 (20 tỷ đồng); cho chủ trương đầu tư xây dựng các tuyến đường kết nối vào 04 CCN: Bình Tân, Gò Cây, Tây Giang và Hoài Hương.

⁸ Tổng vốn đăng ký đầu tư 5.698 tỷ đồng, tổng diện tích 208 ha.

⁹ Giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã thực hiện 323 đề án khuyến công với tổng kinh phí hỗ trợ 42.060 triệu đồng, tốc độ tăng kinh phí bình quân 6,4%/năm. Trong đó: khuyến công quốc gia thực hiện 33 đề án với kinh phí 10.625 triệu đồng, chiếm 25% so tổng kinh phí, bình quân 2.125 triệu đồng/7 đề án/năm; khuyến công địa phương thực hiện 290 đề án với kinh phí 31.435 triệu đồng, chiếm 75% so tổng kinh phí, bình quân 6.287 triệu đồng/58 đề án/năm.

¹⁰ Kết quả tạo việc làm cho hơn 1.700 lao động nông thôn; doanh thu của các cơ sở CNNT tạo ra hàng năm trên 1.570 tỷ đồng; đóng góp vào ngân sách địa phương hàng năm trên 5,7 tỷ đồng

vững đạt kết quả tích cực

- Sản xuất nông nghiệp phát triển khá toàn diện, chuyển dần theo hướng sinh thái, xanh, ứng dụng công nghệ cao.

- *Về trồng trọt:* Năng suất cây trồng từ năm 2021 đều tăng trưởng khá so với cùng kỳ năm trước. Việc phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ngày càng được chú trọng. Trên địa bàn tỉnh hiện có 70.675,56 ha cây trồng được cấp chứng nhận sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp hữu cơ¹¹, đã hình thành 18 vùng sản xuất nông nghiệp có ứng dụng công nghệ cao¹² với tổng diện tích 3.489,6 ha. Các sản phẩm chủ lực được ứng dụng công nghệ cao gồm: bơ, sầu riêng, thanh long, ớt, hồ tiêu, cà phê, rau hoa, dược liệu. Đến nay Gia Lai đã được cấp 308 mã số vùng trồng (10.703,4 ha)¹³; 40 mã số cơ sở đóng gói trái cây xuất khẩu (công suất 1.650 - 1.800 tấn quả tươi/ngày, chủ yếu trái cây xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc, New Zealand,...).

Hiện nay, tỉnh có 03 doanh nghiệp¹⁴ được cấp giấy chứng nhận Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Nhiều doanh nghiệp trong tỉnh đã chú trọng đầu tư vào xây dựng chuỗi liên kết sản xuất, chế biến cà phê bền vững và phát triển cà phê đặc sản với nhiều thương hiệu cà phê¹⁵ đã có mặt ở khắp các tỉnh thành trong nước và bước đầu đã xuất khẩu sang các thị trường khó tính như EU, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc,... Sản phẩm hồ tiêu, cao su, điều của tỉnh đã xuất khẩu qua nhiều quốc gia như Mỹ, Trung Quốc, EU, Ấn Độ, các nước Trung Đông, Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia, Indonesia. Tỉnh đã thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư phát triển vùng cây ăn quả chất lượng cao, xây dựng nhà máy chế biến gắn với vùng nguyên liệu, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ tiên tiến vào sản xuất, bảo quản sau thu hoạch đang tạo động lực để phát triển bền vững ngành hàng cây ăn quả của tỉnh.

- *Về chăn nuôi:* Tỉnh đã triển khai thực hiện Kế hoạch cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021, ngành chăn nuôi tỉnh Gia Lai đã đạt được những kết quả tích cực. Chăn nuôi tiếp tục phát triển theo hướng công nghiệp, tập trung, an toàn sinh học với 180 trại liên kết và 31 chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn. Nhiều mô hình chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, khép kín, kiểm soát dịch bệnh hiệu quả, sản phẩm được chứng nhận VietGAP, GlobalGAP, Hassat đáp ứng tiêu chuẩn thị trường trong và ngoài nước. Ước đến cuối năm 2025, đàn bò, đàn lợn, đàn gia cầm; sản lượng thịt bò hơi, thịt heo hơi đều tăng so với năm 2020¹⁶.

Toàn tỉnh hiện có 781 trang trại, dự án chăn nuôi hoạt động (71 dự án chăn nuôi và 710 trang trại)¹⁷; 25 cơ sở chăn nuôi được chứng nhận VietGAP, GlobalGAP¹⁸, 05 chuỗi liên kết với 201 trại của các công ty như: CP Việt Nam, Japfa Comfeed, CJ Vina Agri,

¹¹ trong đó có: 6.976 ha cây trồng được cấp chứng nhận VietGAP; 6.084,56 ha được cấp chứng nhận GlobalGAP; 44.246 ha được cấp chứng nhận 4C; 194 ha được cấp chứng nhận Organic, 13.175 ha được cấp chứng nhận Rainforest Alliance

¹² Trong đó có 14 vùng trồng cây ăn quả; 01 vùng trồng hồ tiêu giống và thương phẩm; 01 vùng trồng cà phê đạt tiêu chuẩn Organic USDA; 01 vùng sản xuất giống rau hoa; 01 vùng trồng dược liệu.

¹³ trong đó có 255 mã số vùng trồng xuất khẩu (10.246,51 ha) và 53 mã số vùng trồng lĩnh vực trồng trọt (456,89 ha).

¹⁴ Công ty TNHH MTV Hương Đất An Phú, Công ty Cổ phần chè Bàu Cạn và Công ty TNHH Vĩnh Hiệp...

¹⁵ như Thu Hà, Tamba, Classic Coffee, L'amant Café,...

¹⁶ Đàn bò ước đạt 822.000 con, tăng 129.359 con, tương đương 18,68% so với năm 2020 (692.641 con). Đàn lợn ước đạt 1.865.000 con, tăng 559.707 con, tương đương 42,88% so với năm 2020 (1.305.293 con). Đàn gia cầm ước đạt 19.348 nghìn con, tăng 7.018,22 nghìn con (tương đương 56,92%), trong đó đàn gà tăng 5.588,39 nghìn con, tương đương 52,44% so với năm 2020. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng: Thịt bò hơi ước đạt 105.670 tấn, tăng 34.734 tấn (tương đương 48,96%) so với năm 2020 (70.936 tấn); Thịt heo hơi ước đạt 339.000 tấn, tăng 166.451 tấn (96,47%) so năm 2020 (172.549 tấn).

¹⁷ gồm: 148 trại bò, số lượng 9.658 con; 403 trại heo, số lượng 282.521 con; 159 trại gia cầm, số lượng 2.823.520 con.

¹⁸ 22 cơ sở đạt tiêu chuẩn VietGAP; 03 cơ sở đạt tiêu chuẩn GlobalGAP

GreenFeed và Hồng Hà Bình Định¹⁹; có 244 dự án đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi (152 dự án chăn nuôi đã được UBND tỉnh cấp quyết định chủ trương đầu tư, 92 dự án đang nộp hồ sơ xin chấp thuận chủ trương đầu tư)²⁰, trong đó, có 71 dự án chăn nuôi đã đi vào hoạt động.

- *Về lâm nghiệp*: Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững diện tích rừng, diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp; nâng cao chất lượng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất; phát huy chức năng phòng hộ đầu nguồn, góp phần nâng tỷ lệ che phủ rừng hàng năm góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, an ninh nguồn nước, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó chủ động và hiệu quả với biến đổi khí hậu và bảo tồn tính đa dạng sinh học.

Giai đoạn 2021 - 2024, trên địa bàn tỉnh đã trồng 68.091,32 ha²¹, ước năm 2025 trồng 26.947 ha rừng. Toàn tỉnh đã công nhận 299 nguồn giống²². Giai đoạn 2021 - 2024 khai thác gỗ rừng trồng và cây phân tán trên địa bàn tỉnh đạt 6.715.333,1m³²³, dự kiến sản lượng khai thác gỗ rừng trồng năm 2025: 2.170.000m³. Diện tích rừng được khoán quản lý bảo vệ trong 05 năm bình quân 269.097 ha/năm²⁴. Đến nay có 46/46 chủ rừng là tổ chức được phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững²⁵. Công tác bảo vệ và phát triển rừng được quan tâm, đầu tư, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ viễn thám, GIS, phần mềm thống kê trong quản lý bảo vệ rừng, nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng cây giống. Đặc biệt, tỉnh đã phát triển hơn 10.294 ha rừng trồng gỗ lớn gắn với chứng chỉ rừng, và 15.631,73 ha rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

Toàn tỉnh hiện có 732 cơ sở sản xuất, chế biến gỗ, gia công mộc dân dụng²⁶. Bên cạnh đó, toàn tỉnh đã thu hút hơn 280 dự án đầu tư vào lĩnh vực nông - lâm nghiệp với tổng vốn đăng ký đầu tư hàng chục nghìn tỷ đồng, tạo động lực quan trọng để nâng cao năng lực sản xuất và sức cạnh tranh của ngành nông nghiệp trong thời gian quan.

- *Về thủy sản*

+ *Về khai thác thủy sản*: Khai thác hải sản trong những năm qua liên tục tăng về năng lực tàu thuyền, nâng cao về chất lượng, sản lượng khai thác thủy sản hàng năm liên tục tăng²⁷. Phát triển theo hướng phát triển đội tàu khai thác xa bờ, giảm số tàu khai thác gần bờ. Tập trung áp dụng khoa học kỹ thuật trong khai thác và bảo quản thủy sản, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm tổn thất sau thu hoạch; Áp dụng công nghệ viễn thám để

¹⁹ Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam: 67 trại (32 trại heo, số lượng 36.500 con; 29 trại gà, số lượng 534.100 con; 06 trại vịt, số lượng 90.000 con); Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam: 64 trại gà, số lượng 1.179.030 con; Công ty TNHH CJ Vina Agri: 38 trại heo, số lượng 78.300 con; Công ty CP GreenFeed Việt Nam: 16 trại heo, số lượng: 25.370 con; Công ty CP Hồng Hà Bình Định: 16 trại gà, số lượng 277.000 con.

²⁰ Đông Gia Lai 35 dự án, Tây Gia Lai 209 dự án với tổng diện tích 9.803,18 ha, tổng vốn đầu tư xây dựng 39.034,48 tỷ đồng, chưa bao gồm vốn đầu tư vào vật nuôi với quy mô dự án gồm: 183.289 con bò (169.989 con bò thịt, 13.300 con bò sữa), 4.026.001 con heo (4.200 con heo nái cụ kỵ, 12.600 con heo nái ông bà, 388.680 con heo nái bố mẹ, 3.553.200 con heo thịt, 6.321 con heo đực giống, 61.000 con heo con), 2.862.700 con gà, 26.800 con vịt, 170.000 hộp trứng tầm, 20.000 hộp tầm con.

²¹ Trong đó: Trồng rừng tập trung 59.797,35 ha (Trồng rừng sản xuất: 58.427,4 ha; Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng 1.369,95 ha), trồng cây phân tán 8.293 nghìn cây, quy đổi thành 8.293,97 ha (Tây Gia Lai)

²² trong đó: Tây Gia Lai 24 nguồn giống (21 nguồn giống cây trọt các loại, 03 vườn cây đầu dòng); Đông Gia Lai: 275 nguồn giống (01 nguồn giống cây trọt các loại, 01 rừng giống chuyển hoá từ rừng trồng và 273 vườn cây đầu dòng)

²³ Tây Gia Lai 851.089 m³, Đông Gia Lai 5.864.244,1 m³).

²⁴ (Tây Gia Lai 145.000 ha/năm; Đông Gia Lai 124.096,71 ha/năm).

²⁵ gồm: 01 Vườn quốc gia; 31 Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ và 14 Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp.

²⁶ Tây Gia Lai 370 cơ sở, Đông Gia Lai 362 cơ sở

²⁷ trong đó: Năm 2021 đạt 258.140 tấn; năm 2022 đạt 265.268 tấn; năm 2023 đạt 273.208 tấn; năm 2024 đạt 281.200 tấn và năm 2025 ước đạt 290.085 tấn.

quản lý hoạt động của đội tàu khai thác. Công tác dịch vụ hậu cần tại các cảng cá đi vào hoạt động ổn định, phục vụ tốt cho đánh bắt hải sản, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm, thu hút tàu thuyền và phương tiện của các địa phương khác về cảng hoạt động mua bán. Tiếp tục sắp xếp và kiện toàn lại hệ thống dịch vụ hậu cần nghề cá. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 09 cơ sở đóng, sửa chữa tàu vỏ gỗ có thể đáp ứng cho tàu có công suất trên 400CV, các cơ sở dịch vụ phục vụ sinh hoạt cho các tàu cá do các doanh nghiệp tư nhân kinh doanh được bố trí tại khu vực gần các cảng cá đáp ứng được cho nhu cầu của ngư dân... Nhiều mô hình liên kết chuỗi²⁸, mô hình Khuyến nông Ứng dụng công nghệ nano trong bảo quản thủy sản trên tàu cá và cùng bán sản phẩm cho Công ty TNHH Thực phẩm Mãi Tín (vốn 100% Nhật Bản).

+ *Về nuôi trồng thủy sản*: Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng nuôi tập trung công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao; đa dạng hóa đối tượng nuôi và phương thức nuôi, đảm bảo an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường sinh thái. Duy trì các vùng nuôi tập trung có chủ thể quản lý; triển khai Kế hoạch sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, trong đó, chuyển đổi diện tích nuôi tôm thâm canh/bán thâm canh đủ điều kiện sang nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao; chuyển đổi diện tích nuôi trồng thủy sản quảng canh/quảng canh cải tiến, diện tích nuôi tôm trên cát bị dịch bệnh sang nuôi nhuyễn thể có giá trị kinh tế cao; phát triển nuôi cá lồng trên hồ chứa, đập dâng. Bước đầu phát triển nuôi biển với các đối tượng nuôi chủ yếu là cá biển, tôm hùm và mực lá tại vùng biển Quy Nhơn và Phù Mỹ ở quy mô hộ gia đình theo phương pháp truyền thống. Phát triển diện tích nuôi cá nước ngọt, cá nước lạnh (cá rô phi, cá tầm,...) tại các hồ chứa thủy lợi, thủy điện phù hợp với điều kiện hiện có và khả năng mở rộng thị trường.

Diện tích nuôi trồng thủy sản khoảng 5.210 ha²⁹, lồng nuôi cá nước ngọt 1.355/148.170 m³; lồng nuôi nước mặn 2.460 lồng/71.150 m³. Sản lượng nuôi trồng thủy sản tăng trưởng ổn định, sản lượng bình quân đạt 18.010 tấn/năm³⁰

+ *Chế biến thủy sản*: Toàn tỉnh có 7 nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu với tổng công suất chế biến là 22.500 tấn/năm³¹.

- Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản có bước phát triển mạnh với khoảng 943 cơ sở. Tỷ lệ chế biến sâu đối với các sản phẩm chủ lực như cà phê, cao su, hạt điều, chè, mía đạt 100%. Đã hình thành 36 chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn. Nhiều sản phẩm đã có mặt tại các thị trường khó tính, trong đó cà phê xuất khẩu 8 tháng đầu năm 2025 đạt 932 triệu USD. Toàn tỉnh thu hút hơn 332 dự án đầu tư vào nông - lâm nghiệp với tổng vốn đăng ký hàng chục nghìn tỷ đồng, tạo động lực quan trọng để nâng cao năng lực sản xuất và sức cạnh tranh.

- Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) được triển khai thực hiện đồng bộ³².

²⁸ chuỗi liên kết giữa Công ty Thịnh Hưng với 160 tàu làm nghề khai thác cá ngừ đại dương; Chuỗi liên kết của Công ty Hồng Ngọc với hơn 400 tàu khai thác cá ngừ đại dương; Hiện nay tỉnh đang chỉ đạo triển khai thực hiện chuỗi liên kết giữa Công ty TNHH Mãi Tín Bình Định với ngư dân khai thác cá ngừ đại dương để xuất khẩu sang thị trường Nhật, Mỹ

²⁹ trong đó, diện tích nuôi cá nước ngọt khoảng 3.270 ha, diện tích nuôi nước lợ là 1.940 ha;

³⁰ , cụ thể: Năm 2020 đạt 14.790 tấn tương đương so với năm 2019; năm 2021 đạt 17.379 tấn, tăng 17,5%; năm 2022 đạt 17.936 tấn, tăng 3,2%; năm 2023 đạt 18.313 tấn, tăng 2,1%; năm 2024 đạt 18.769 tấn, tăng 2,5%. Dự kiến năm 2025 đạt 20.875 tấn, tăng 11,2%.

³¹ Trong đó chế biến cá biển là 3 nhà máy với tổng công suất là 13.000 tấn /năm, với các sản phẩm chủ lực là cá ngừ đại dương, cá cò gòn cò kiểng, cá dứa...; 4 nhà máy chế biến tôm với tổng công suất chế biến là 9.000 tấn /năm. Sản phẩm chính là các loại tôm đông lạnh, tôm bọc bột...

³² Đến nay toàn tỉnh Gia Lai (mới) đã có 981 sản phẩm đạt hạng OCOP (còn hạn), trong đó: 851 sản phẩm đạt hạng 3 sao (chiếm 86,75%), 123 sản phẩm đạt hạng 4 sao (chiếm 12,54%), 07 sản phẩm đạt hạng 5 sao (chiếm 0,71%); với tổng số

Tập trung thông tin, giới thiệu, tăng cường quảng bá sản phẩm đặc trưng, tiêu biểu của tỉnh trong các sự kiện kinh tế, chính trị, xã hội trong và ngoài nước; ký kết chương trình hợp tác, hỗ trợ tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu, đặc trưng trên các sàn thương mại điện tử với các bộ, ngành và doanh nghiệp vận hành sàn giao dịch điện tử.

2.3. Hoạt động thương mại, dịch vụ, thu ngân sách đạt kết quả khá; xuất khẩu được đẩy mạnh; du lịch có chuyển biến mạnh mẽ, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn

- Hoạt động thương mại, dịch vụ phục hồi nhanh sau dịch COVID-19, chuyển đổi cơ cấu và phát triển bền vững hơn, nhất là lĩnh vực dịch vụ và tiêu dùng nội địa. Công tác hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh đổi mới phương thức tiêu thụ nông sản, sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản, đặc trưng được triển khai bằng hoạt động thực tiễn; mời doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia hội chợ, hội nghị, sự kiện xúc tiến thương mại trong và ngoài tỉnh³³; kết nối tham gia sự kiện, hội nghị do Bộ Công Thương và các tỉnh tổ chức. Thực hiện tốt kế hoạch dự trữ và cung ứng nhu yếu phẩm, nhiên liệu thiết yếu phục vụ công tác phòng, chống thiên tai mùa mưa lũ; kế hoạch dự trữ hàng hóa phục vụ trước, trong và sau Tết Nguyên đán; các giải pháp bình ổn thị trường, đảm bảo cung cầu hàng hóa; đề án phát triển kinh tế ban đêm, kế hoạch phát triển dịch vụ logistics nhằm kết nối, hỗ trợ lưu thông hàng hóa nông sản. Hạ tầng thương mại, dịch vụ tiếp tục đầu tư hoàn thiện, trong đó chú trọng phát triển, nâng cao chất lượng loại hình trung tâm thương mại, siêu thị theo hướng hiện đại kết hợp với đầu tư, nâng cấp các chợ truyền thống³⁴.

Giai đoạn 2021–2025, hoạt động xuất khẩu của tỉnh có những thuận lợi và khó khăn đan xen: Trong hai năm 2020–2021, đại dịch COVID-19 cùng biện pháp kiểm soát, phòng chống dịch đã gây nhiều trở ngại trong tìm kiếm thị trường, vận chuyển và năm 2024 xung đột chính trị kéo dài tại một số khu vực làm ách tắc tuyến vận tải hàng hóa Á–Âu qua Biển Đỏ. Tuy nhiên, nhờ triển khai đồng bộ các giải pháp³⁵ nên kim ngạch xuất khẩu của tỉnh vẫn duy trì đà tăng trưởng ổn định nhờ tác động tích cực của các Hiệp định thương mại tự do (FTA). Việc cắt giảm thuế quan theo cam kết quốc tế mở ra cơ hội lớn cho xuất khẩu nông sản, đặc biệt với các mặt hàng có lợi thế như cà phê, cao su, sắn, gỗ và sản phẩm gỗ, thủy sản, dệt may... Cán cân thương mại thặng dư, thị trường xuất khẩu mở rộng đến 128 quốc gia và vùng lãnh thổ, với mặt hàng chủ lực: Các mặt hàng qua gia công, chế biến, chế tạo thế mạnh của tỉnh như gỗ và các sản phẩm từ gỗ, nông sản, hải sản, hàng may mặc, bàn

507 chủ thể OCOP, trong đó: 82 chủ thể là hợp tác xã (chiếm 16,17%), 81 chủ thể là công ty (chiếm 15,98%), 340 chủ thể là cơ sở sản xuất (chiếm 67,06%), 4 chủ thể là hội nông dân/làng nghề/tổ hợp tác (chiếm 0,79%)

³³ Tỉnh đã triển khai hiệu quả 20 Chương trình thuộc Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Đồng thời, triển khai 300 chương trình, với tổng kinh phí thực hiện 23,489 tỷ đồng; trong đó: xúc tiến thương mại quốc gia 1,741 tỷ đồng, xúc tiến thương mại địa phương 14,419 tỷ đồng, xúc tiến thương mại khác (*chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; chương trình đột xuất do UBND tỉnh giao*) 7,329 tỷ đồng. Hỗ trợ xây dựng 11 điểm bán hàng Việt với thương hiệu “Tự hào Việt Nam” và “Tinh hoa Việt Nam”; điểm bán sản phẩm OCOP; Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia 01 Hội chợ nước ngoài (CAEXPO), và 05 lượt Hội chợ trong nước; 07 phiên chợ, 03 hội chợ nhằm thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

³⁴ Trên địa bàn tỉnh, hiện có 265 chợ (trong đó chợ hạng 1 là 12 chợ, chợ hạng 2 là 25 chợ, chợ hạng 3 là 228 chợ); có 26 siêu thị, trong đó, phân theo hạng có 02 siêu thị hạng 1, 03 siêu thị hạng 2 và 21 siêu thị hạng 3; có 04 trung tâm thương mại, trong đó có 02 TTTM hạng 2 và 02 TTTM hạng 3; 236 cửa hàng tiện lợi; 1.085 cửa hàng chuyên doanh; 8.844 cửa hàng tạp hóa, thực phẩm truyền thống. Trên địa bàn tỉnh có 2 Kho xăng dầu dự trữ quốc gia: Kho Phú Hòa dung tích hiện trạng khoảng 50.000m³; Kho Bắc Tây Nguyên 5.400m³

³⁵ (1) Tăng cường xúc tiến thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các chương trình, hội chợ, triển lãm quốc tế chuyên ngành và đa ngành do Bộ Công Thương tổ chức; (2) Đào tạo, tập huấn ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động xuất khẩu; (3) Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia sàn thương mại điện tử quốc tế (như Alibaba, Amazon Global); (4) Phát triển hệ thống thông tin thị trường nước ngoài, giới thiệu cơ hội giao thương, danh sách thương vụ Việt Nam tại nước ngoài và kết nối dữ liệu trực tuyến về cung – cầu hàng hóa thông qua Cổng thông tin điện tử của Sở Công Thương.

ghế nhựa giả mây, các sản phẩm trái cây, cà phê, tiêu...

Thương mại biên giới phát triển khả quan, hạ tầng được đầu tư; phối hợp cơ quan chức năng của tỉnh Ratanakiri - Campuchia tháo gỡ những khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi trong việc thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu; phối hợp tổ chức 01 phiên chợ biên giới tại Cửa khẩu quốc tế Lê Thanh với sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Gia Lai, hộ kinh doanh huyện Oyadav, tỉnh Ratanakiri, Campuchia. Kim ngạch xuất nhập khẩu qua cửa khẩu Lê Thanh tăng trưởng ổn định³⁶.

Ngành logistics nói chung và năng lực hoạt động của các doanh nghiệp logistics của tỉnh đã có bước phát triển đáng kể³⁷. Hạ tầng logistics ngày càng được cải thiện với đầy đủ các hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về logistics được quan tâm.

Tỉnh đã đẩy mạnh triển khai các chính sách, biện pháp kích cầu, hoạt động xúc tiến, liên kết mở rộng thị trường khách du lịch. Lượng khách du lịch đến tỉnh đạt thấp năm 2021 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đã phục hồi trong các năm tiếp theo. Sản phẩm du lịch ngày càng phong phú, đa dạng, hàng năm đã tổ chức được chuỗi các sự kiện, lễ hội văn hóa, thể thao, du lịch; triển khai kế hoạch thu hút khách quốc tế gắn với các chương trình thu hút đầu tư, các hội chợ, hội thảo du lịch trong và ngoài nước, các sự kiện ngoại giao do tỉnh tổ chức, góp phần quảng bá rộng rãi thương hiệu du lịch tỉnh Gia Lai. Hệ thống cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch tiếp tục được quan tâm đầu tư, nâng cấp. Công tác quảng bá, xúc tiến du lịch được tăng cường, đã triển khai nhiều hoạt động liên kết, quảng bá và xúc tiến du lịch tại các tỉnh, thành phố lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng,... Các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh đã chủ động, tích cực phối hợp tổ chức thành công các lễ hội du lịch gắn với chuỗi các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch trên địa bàn với quy mô, sức lan tỏa ngày càng lớn.

Tỉnh tăng cường công tác quản lý thu ngân sách nhà nước, chống thất thu, đẩy mạnh đôn đốc, thu hồi các khoản nợ đọng thuế và tăng cường thanh tra, kiểm tra, chống chuyển giá, hoàn thuế giá trị gia tăng; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hoá thủ tục và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính thuế. Công tác chi ngân sách nhà nước được điều hành bám sát khả năng thu, yêu cầu nhiệm vụ chính trị, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các chỉ tiêu tài chính quốc gia. Tỉnh đã chú trọng kiểm soát chặt chẽ các khoản chi, bảo đảm đúng định mức, đúng mục tiêu, kịp thời và tiết kiệm. Nguồn ngân sách được phân bổ hợp lý giữa chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên theo hướng giảm chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng trong khi vẫn đảm bảo chỉ tiêu công hiệu quả, minh bạch.

Các dịch vụ tín dụng - ngân hàng, bảo hiểm và các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh không ngừng phát triển cả về số lượng và chất lượng. Tín dụng tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ, tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng, hỗ trợ doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của nền kinh tế, hạn chế tín dụng đen. Chuyển đổi số và thanh toán không dùng tiền mặt được đẩy mạnh; thanh toán dịch vụ công qua ngân hàng tiếp tục được mở rộng, đặc biệt trong các lĩnh vực như: thu, chi ngân sách nhà nước, giáo dục, y tế, an sinh xã hội.

³⁶ năm 2019 đạt 58,1 triệu USD; năm 2020 đạt 60,6 triệu USD; năm 2021 đạt 118,5 triệu USD; năm 2022 đạt 140 triệu USD; năm 2023 đạt 140 triệu USD, năm 2024 đạt 202 triệu USD); 10 tháng năm 2025, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 165,38 triệu USD, giảm 6,37% so với cùng kỳ năm 2024 (176,64 triệu USD).

³⁷ đã thu hút đầu tư 02 dự án cảng và 02 dự án logistics

3. Môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục được cải thiện; các thành phần kinh tế tiếp tục phát triển

Môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện, hàng năm UBND tỉnh đều ban hành Quyết định các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) từng bước có sự cải thiện đáng kể; công tác cải cách thủ tục hành chính được xác định là khâu đột phá nhằm bảo đảm công khai, minh bạch, giảm chi phí và rút ngắn tối đa thời gian giải quyết thủ tục hành chính, phục vụ kịp thời yêu cầu của người dân, tổ chức và doanh nghiệp, cải thiện môi trường kinh doanh, thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Tỉnh đã thành lập Tổ công tác hỗ trợ và xúc tiến đầu tư, thành lập Đường dây nóng, nhằm kịp thời tiếp nhận, tư vấn, giải đáp những khó khăn vướng mắc cho các nhà đầu tư, tăng cường thu hút đầu tư tại chỗ và đầu tư mới vào tỉnh; ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính; đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến; thực hiện công khai, minh bạch thông tin đi đôi với chấn chỉnh lề lối, tác phong làm việc của cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh và bộ phận một cửa tại các địa phương. Giai đoạn 2020 - 2025, toàn tỉnh thu hút được 726 dự án với tổng số vốn đăng ký đạt 274.455 tỷ đồng. Các dự án tập trung vào nhiều lĩnh vực trọng yếu như công nghiệp, thương mại dịch vụ, du lịch, bất động sản và hạ tầng, tạo động lực lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh tiếp tục phát triển. Doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa theo đúng lộ trình, hoạt động có hiệu quả. Kinh tế tư nhân, hộ gia đình phát triển khá và chiếm tỷ trọng cao trong nền kinh tế. Số lượng DN thành lập đã tăng mạnh qua các năm và đến nay có khoảng 17.500 doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế. Tính trung bình giai đoạn 2021-2025, mỗi năm có khoảng 1.567 doanh nghiệp thành lập mới. Mật độ doanh nghiệp hoạt động bình quân tăng từ 03 doanh nghiệp/1.000 dân năm 2020 và lên 05 doanh nghiệp/1.000 dân năm 2025.

Kinh tế hợp tác tiếp tục được đổi mới về hình thức tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; nhiều hợp tác xã hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, thu hút ngày càng nhiều lao động và đã trở thành đơn vị kinh tế quan trọng ở địa phương. Ước đến 31/12/2025, toàn tỉnh có 780 HTX; doanh thu bình quân của một HTX khoảng 3.300 triệu đồng/năm; lãi bình quân một HTX đạt 146 triệu đồng/năm.

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được chú trọng; đã mở rộng, kết nối hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức quốc tế theo hướng thiết thực, hiệu quả. Tăng cường công tác quảng bá tiềm năng, thế mạnh, rà soát, hoàn thiện cơ chế, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Đến nay, toàn tỉnh đã thu hút đã thu hút được 28 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) mới được cấp phép với tổng số vốn đăng ký đạt 339,79 triệu USD. Toàn tỉnh hiện có 92 dự án FDI với tổng vốn đăng ký trên 1,35 tỷ USD, đến từ nhiều quốc gia như Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore và Hoa Kỳ,...

4. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tập trung đầu tư đồng bộ, gắn với phát triển các khu vực trong tỉnh

4.1. Xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ

Tỉnh đã tập trung huy động mọi nguồn lực, đẩy mạnh thực hiện khâu đột phá về

hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, nhất là giao thông kết nối vùng đạt nhiều kết quả nổi bật, tạo động lực phát triển cho tỉnh. Hiện nay mạng lưới giao thông đường bộ trên địa bàn toàn tỉnh có tổng chiều dài 23.780,7km. Công tác đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông được các cấp, các ngành quan tâm, chú trọng, tập trung vốn cho các công trình dự án cấp bách, trọng điểm, ưu tiên các dự án nâng cấp các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ huyết mạch. Tăng cường đầu tư xây dựng giao thông nông thôn, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, phục vụ công tác giảm nghèo. Bảo đảm cho tất cả các xã có đường ô tô được cứng hóa vào đến trung tâm xã. Đồng thời, hệ thống đường huyện, đường đô thị, đường GTNT... cũng được các địa phương tập trung đầu tư, góp phần từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông trên địa bàn tỉnh.

Trong thời gian qua, các công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp³⁸ mang lại hiệu quả đáng kể, đảm bảo an toàn hồ, đập trong mùa mưa bão, giảm thiểu nguy cơ vỡ đập, đồng thời tham gia điều tiết, giảm lũ cho vùng hạ du, đảm bảo an toàn cho người và tài sản của nhân dân, góp phần cải tạo đất, khai khẩn đất ở những vùng thiếu nước cũng như sử dụng một cách hợp lý nguồn tài nguyên nước, yếu tố quan trọng nhất đóng góp vào thành công của ngành nông nghiệp³⁹. Công trình thủy lợi và phòng chống thiên tai đã cơ bản đáp ứng nhu cầu nước cho sản xuất lúa, dân sinh và nuôi trồng thủy sản. Xây dựng 12 công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn. Thực hiện chính sách hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương, kênh mương nội đồng giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh mang lại hiệu quả cao. Tiếp tục xây dựng và hiện đại hóa trung tâm hậu cần nghề cá Tam Quan, tạo động lực phát triển ngành thủy sản theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; cải tạo, nâng cấp khu neo đậu Tam Quan; khu neo đậu đầm Đề Gi. Tăng cường nâng cấp, cải tạo một số công trình cấp nước sạch hiện có, đầu tư xây dựng mới các công trình cấp nước sạch tập trung, đảm bảo cơ bản cung cấp cho các vùng thường xuyên thiếu nước trong mùa nắng hạn.

Hạ tầng y tế, giáo dục và văn hóa xã hội được đặc biệt quan tâm đầu tư. Tỉnh đã ban hành Đề án nâng cao năng lực hoạt động hệ thống y tế cơ sở, Đề án mua sắm máy móc, thiết bị y tế chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế cho các bệnh viện công lập tuyến tỉnh và Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, bằng nguồn vốn của tỉnh và hỗ trợ của Trung ương từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, đã tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị y tế, đầu tư xây dựng mới các trường học. Tiến hành tu bổ, tôn tạo di tích tại Tháp Đôi, Tháp Bánh Ít, Tháp Phú Lộc, Tháp Dương Long, Tháp Cánh Tiên, Tháp Bình Lâm... xây dựng mới Đền thờ Võ Văn Dũng, Đền thờ Nguyễn Trung Trực...

³⁸ Bình Định (cũ): Hoàn thành sửa chữa, bảo đảm an toàn đập các công trình hồ chứa, công trình trọng điểm: Đập dâng Phú Phong, hồ Đồng Mít; triển khai dự án kè bảo vệ khu dân cư ven các lưu vực sông Hà Thanh, La Tinh, Lại Giang. Rà soát các trục tiêu thoát lũ chính, khơi thông dòng chảy các sông Côn – Hà Thanh; xây dựng kế hoạch bảo trì, gia cố đê điều và công trình PCTT xung yếu.

Gia Lai (cũ): Hoàn thành Tiểu dự án “Sửa chữa và nâng cao an toàn đập” (WB8) tỉnh Gia Lai (sửa chữa, nâng cấp 08 hồ chứa: Ia Ring, Ayun Hạ, Ea Dreh, Ia Năng, Làng Me, Buôn Lưới, Plei Tô Kôn, Hà Tam); Hoàn thành dự án Sửa chữa nâng cấp các hồ chứa nước: Hòn Cò, Bàu Dòn, hồ C5, hồ Làng Mới, Tà Li I, Tà Li II (từ nguồn vốn thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội).

³⁹ Khu vực phía Tây tỉnh hiện có 352 công trình thủy lợi, bao gồm 119 hồ chứa, 193 đập dâng và 40 trạm bơm, với tổng năng lực thiết kế tưới cho 67.736 ha cây trồng, trong đó lúa 37.072 ha và rau màu, cây công nghiệp 30.663 ha. Trên địa bàn phía Đông tỉnh, đã đầu tư xây dựng 164 hồ chứa nước, 293 đập dâng, 232 trạm bơm và hơn 6.000 km kênh mương, kênh mương nội đồng. Tổng năng lực tưới thiết kế của các công trình tưới cho hơn 110.000 ha đất gieo trồng.

4.2. Liên kết, phát triển các khu vực trong tỉnh luôn được quan tâm, khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của từng vùng

Chất lượng công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý đô thị và quản lý chất lượng công trình được nâng lên, đã hoàn thành Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. *Khu vực đô thị* tiếp tục được chỉnh trang theo hướng hiện đại, thông minh; đồng thời, quy hoạch và phát triển một số khu đô thị mới. *Khu vực đồng bằng, trung du* tiếp tục hình thành các vùng chuyên canh, thâm canh cây trồng; phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng trang trại, công nghệ cao. Một số làng nghề được khôi phục, phát triển; đào tạo nghề cho lao động nông thôn được đẩy mạnh. *Khu vực miền núi và biên giới* được đặc biệt quan tâm; hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là các công trình hạ tầng thiết yếu được chú trọng đầu tư; 100% xã miền núi và biên giới đều có điện lưới quốc gia và đường bê tông đến trung tâm xã; các chính sách trợ giá, trợ cước, hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, đất sản xuất, xóa nhà tạm, nhà dột nát... được triển khai đồng bộ, góp phần giảm dần tỷ lệ hộ nghèo. *Khu vực biển và ven biển* được rà soát, quy hoạch phát triển đô thị, các điểm dân cư, thương mại, dịch vụ, du lịch biển tại những điểm có điều kiện; đồng thời, xác định vị trí, mức độ ảnh hưởng của biến đổi khí hậu (nguy cơ ngập, lũ lụt, sạt lở, xâm nhập mặn...) để thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án ứng phó, cấp thoát nước cho địa bàn thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, hạn hán, lũ lụt. Đồng thời, phê duyệt nhiều đề án quy hoạch nhằm định hướng phát triển bền vững kinh tế - xã hội khu vực biển, ven biển. Quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế, kỹ thuật cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh tạo động lực, điều kiện lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội các địa bàn lân cận.

5. Giáo dục và đào tạo tiếp tục được đổi mới, chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên, chất lượng nguồn nhân lực được nâng cao; khoa học và công nghệ có bước phát triển, thúc đẩy đổi mới sáng tạo

5.1. Tỉnh đã ban hành và triển khai nhiều chủ trương, chính sách phát triển nguồn nhân lực, thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao, ưu tiên đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật... đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh. Chất lượng nhân lực ngày càng được cải thiện và nâng cao, đặc biệt là tỷ lệ lao động có trình độ đại học và trên đại học; cơ cấu nhân lực có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng lao động khu vực nông nghiệp, nông thôn trong cơ cấu lao động của nền kinh tế có xu hướng giảm; công tác đào tạo nhân lực đã có những thay đổi theo hướng tập trung nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu của người sử dụng lao động. Đội ngũ nhân lực có trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp khá đã được thu hút và phát huy hiệu quả ở một số ngành, lĩnh vực như: khoa học công nghệ, y tế, giáo dục, công nghệ thông tin,... Các cơ sở đào tạo và dạy nghề đã cung cấp lao động có tay nghề cho khu vực hành chính, sự nghiệp, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

5.2. Công tác quản lý và hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ từng bước được đổi mới phù hợp với yêu cầu thực tiễn, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống; chủ động nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ số, công nghệ sinh học, giống cây trồng vật nuôi, các mô hình nông nghiệp hiệu quả cao, sản xuất sạch và an toàn vào sản xuất, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và khai thác trực tiếp lợi thế của tỉnh.

Tỉnh đã triển khai hiệu quả Chương trình hành động về phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2020 - 2025. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất và đời sống được đẩy mạnh⁴⁰. Hệ sinh thái khởi nghiệp, tinh thần khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được thúc đẩy mạnh mẽ. Đã ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và nhiều quy định, cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ trên địa bàn. Khu đô thị Khoa học Quy Hòa với nòng cốt là Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục liên ngành được quan tâm đầu tư, tiếp tục trở thành điểm đến tin cậy của các nhà khoa học trong và ngoài nước. Tiếp tục hỗ trợ, tạo điều kiện triển khai các dự án công nghệ thông tin, phần mềm, trí tuệ nhân tạo... đã được phê duyệt và thu hút một số dự án mới đầu tư trên địa bàn tỉnh, góp phần tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ của tỉnh. Công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ từng bước được đổi mới phù hợp với yêu cầu thực tiễn; công tác nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống đạt hiệu quả. Nhiều công trình nghiên cứu đã được đưa vào ứng dụng trong thực tế sản xuất, đời sống mang lại hiệu quả cao, góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh. Triển khai chương trình đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; phát triển doanh nghiệp công nghệ. Hoạt động sở hữu trí tuệ và thông tin khoa học, công nghệ được quan tâm. Tiềm lực khoa học, công nghệ được tăng cường đầu tư, góp phần nâng cao năng lực hoạt động, tích cực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tỉnh đã đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, đảm bảo việc trao đổi thông tin, gửi/nhận văn bản trên môi trường mạng của các xã/phường được thông suốt, ổn định. Phối hợp với VNPT điều chỉnh Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh sau khi sáp nhập bộ máy (điều chỉnh TTHC, tài khoản, đơn vị sử dụng...)⁴¹. Thực hiện kết nối Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư nhằm phục vụ công tác xác thực, khai thác dữ liệu trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính. Các hệ thống dùng chung được hợp nhất, triển khai đến 135 xã, phường, phục vụ tốt công tác quản lý, chỉ đạo điều hành trên môi trường số. 100% cơ quan hành chính sử dụng Hệ thống phần mềm văn phòng điện tử của tỉnh; tỷ lệ thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử liên thông giữa các cơ quan trong tỉnh, liên thông với các bộ, ngành Trung ương qua trực liên thông văn bản quốc gia đạt gần 100%. Tiếp tục phát triển CSDL chuyên ngành kết hợp với xây dựng Kho dữ liệu số thông minh. Triển khai và đưa vào sử dụng Hệ thống thông tin phòng chống thiên tai; Hệ thống Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức. Triển khai nền tảng Signet cho cán bộ công chức, viên chức trên toàn tỉnh; hệ thống thông tin Kinh tế - Xã hội 2 cấp; ứng dụng “Thông tin cấp xã” tổng hợp các dữ liệu quan trọng về từng xã, phường trên địa bàn tỉnh. Dữ liệu, hệ thống của các ban, sở, ngành đã được tích hợp với trực liên thông dữ liệu cấp tỉnh.

⁴⁰ Theo dõi, phối hợp quản lý 02 nhiệm vụ⁴⁰ KH&CN cấp quốc gia thuộc Chương trình Quỹ gen và 01 nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương cấp quốc gia; đề xuất đặt hàng Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai 04 nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia để giải quyết các vấn đề cấp thiết của tỉnh. Thành lập Hội đồng tư vấn đề xuất 03 nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia; thực hiện 111 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; 49 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

⁴¹ Hệ thống <https://motcua.gialai.gov.vn> đang cung cấp 2.171 dịch vụ công trực tuyến, thiết lập quy trình điện tử cho 2.254 thủ tục hành chính (trong đó có 1.839 TTHC cấp tỉnh và 415 TTHC cấp xã) đảm bảo 100% TTHC được thiết lập quy trình điện tử, gắn quyền đầy đủ cho cán bộ tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính; 100% thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến được cấu hình, cung cấp đầy đủ trên Cổng DVCQG; 100% DVC trực tuyến đã có biểu mẫu điện tử tương tác và bảo đảm khớp với thành phần hồ sơ.

Tăng cường phát triển hạ tầng cho chuyển đổi số. Hạ tầng viễn thông được chỉnh trang, đồng bộ hóa theo hướng ngầm hóa, tạo nền tảng phát triển 5G và IoT. Mạng 5G đã được doanh nghiệp viễn thông Viettel, VNPT, MobiFone triển khai 167 trạm tại trung tâm các xã, phường. Tại tỉnh, có 02 trạm cáp bờ của 02 tuyến cáp quang biển quốc tế⁴². Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của tỉnh đã được kết nối vào mạng TSLCD cấp I của Cục Bưu điện Trung ương đảm bảo kết nối đến 100% các sở, ban, ngành và 135/135 xã, phường trên địa bàn tỉnh; cơ bản đáp ứng được nhu cầu liên thông, kết nối dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị địa phương khi triển khai chính quyền địa phương 02 cấp. Hoàn thành kết nối LGSP của tỉnh với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) và nền tảng VDXP của các bộ, ngành. Triển khai hệ thống Trợ lý ảo của tỉnh, phong trào “Bình dân học vụ số”, mở lớp đào tạo chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh, viên chức và người lao động trên địa bàn tỉnh.

Về phát triển kinh tế số, xã hội số: Tỉnh đã phê duyệt Đề án phát triển ngành công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và an toàn, an ninh mạng giai đoạn 2025–2030 và Kế hoạch thực hiện Đề án; đồng thời triển khai xây dựng Đề án Khu Công nghệ thông tin tập trung. Hiện số hồ sơ thu nhận định danh điện tử toàn tỉnh là 1.263.456/1.442.762 công dân đủ điều kiện (từ đủ 14 tuổi trở lên); kích hoạt tài khoản Định danh điện tử 1.006.251/1.256.188 trường hợp; việc thanh toán không dùng tiền mặt trong công tác thu học phí, viện phí, lệ phí sát hạch lái xe đạt 100%; có 324.203 tài khoản thanh toán điện tử được đoàn viên, thanh niên hỗ trợ mở tài khoản tại các ngân hàng và tổ chức khác; có 291.640 công dân đăng ký sử dụng chữ ký số công cộng do các doanh nghiệp VNPT, Viettel, Misa và BKAV cung cấp...Đã tổ chức 11 lớp đào tạo, tập huấn hỗ trợ hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, tập huấn kỹ năng số cho gần 590 hộ sản xuất nông nghiệp và Tổ Công nghệ số cộng đồng (riêng tỷ lệ Hộ SXNN là $576/706 = 81,6\%$); hỗ trợ đưa 570 sản phẩm lên sàn TMĐT postmart.vn (nay là buudien.vn), trong đó có hơn 200 sản phẩm OCOP.

Về bưu chính, viễn thông: 100% các xã đều có điểm phục vụ bưu chính, Hiện đang hỗ trợ cho 18 điểm cung cấp dịch vụ thông tin công cộng⁴³. Hạ tầng viễn thông, hạ tầng số được tăng cường đã phục vụ tốt công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh⁴⁴.

6. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội được được quan tâm đầu tư phát triển; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng lên

6.1. Hoạt động văn hóa, thông tin - truyền thông, thể dục - thể thao có nhiều tiến bộ

Trong thời gian qua, công tác bảo tồn, trùng tu và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hoá, di tích cách mạng được quan tâm đầu tư. Tiếp tục gìn giữ và phát huy nghệ thuật Bài Chòi Trung bộ Việt Nam đã được UNESCO ghi danh - di sản văn hóa phi vật thể đại

⁴² Tuyến cáp ADC với dung lượng kết nối 18 Tbps (tuyến ADC của Tập đoàn Viettel đã được đưa vào hoạt động) và tuyến cáp SJC2 với dung lượng kết nối 9 Tbps (tuyến SJC2 của Tập đoàn VNPT đang triển khai kế hoạch đưa vào hoạt động).

⁴³ Tổng số tiền đã chi cho doanh nghiệp bưu chính thực hiện (Bưu điện tỉnh Bình Định) là 216.000.000 đồng/6 tháng (2.000.000 đồng/tháng/điểm). Trong 6 tháng cuối năm 2025, sẽ hỗ trợ cho 21 điểm thông tin công cộng với tổng số tiền 252.000.000 đồng.

⁴⁴ Tỷ lệ phủ sóng di động, băng rộng di động đạt: 100% tại trung tâm các xã, phường và 99,9% các thôn, làng. Có 2.692/2.693 thôn, làng đã có sóng di động, băng rộng di động (còn 01 làng O2, xã Vĩnh Sơn chưa có di động); tỷ lệ hạ tầng mạng băng rộng cố định đạt: 100% tại trung tâm các xã, phường và 97,9% các thôn, làng. Có 2.637/2.693 thôn, làng đã có hạ tầng mạng băng rộng cố định (còn 56 thôn chưa có cố định).

diện của nhân loại và đã hoàn thiện hồ sơ đệ trình UNESCO ghi danh Võ cổ truyền Bình Định là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số, các bộ môn nghệ thuật truyền thống, võ cổ truyền... được quan tâm. Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá*” từng bước đi vào chiều sâu. Tổ chức thành công nhiều Chương trình nghệ thuật, lễ kỷ niệm, tuyên truyền các sự kiện chính trị lớn của đất nước, của tỉnh. Các lễ hội truyền thống, thể dục thể thao quần chúng được duy trì tổ chức với nhiều nội dung phong phú, hấp dẫn. Công tác xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, khu phố văn hóa ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số tiếp tục được nâng cao chất lượng.

Công tác thông tin, truyền thông có nhiều đổi mới. Hoạt động báo chí, phát thanh, truyền hình tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng trong xã hội, nhất là trên lĩnh vực truyền thông chính sách, cung cấp thông tin, tuyên truyền, định hướng dư luận xã hội. Hoạt động truyền thanh cơ sở được đổi mới với việc triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo, truyền thanh thông minh và hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh. Hoạt động truyền thông trên internet, mạng xã hội được quan tâm, chú trọng.

Viễn thông đóng vai trò là hạ tầng quan trọng để kết nối, lan tỏa thông tin, thúc đẩy các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa của tỉnh. Hạ tầng viễn thông của tỉnh đảm bảo khả năng tiếp cận thông tin, mở rộng không gian tiếp cận tri thức cho người dân, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa. Hệ thống cáp quang biển cập bờ tại Quy Nhơn ADC và SJC2 đang được triển khai đầu tư.

6.2. Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe Nhân dân; công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình; bảo vệ và chăm sóc bà mẹ, trẻ em được quan tâm

Giai đoạn 2021 – 2022, đại dịch Covid-19 xảy ra và bùng phát lan rộng trên phạm vi toàn quốc. Công tác phòng chống Covid-19 trên địa bàn tỉnh được triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả. Toàn bộ hệ thống chính trị và các lực lượng, nguồn lực của tỉnh đã được huy động, tập trung cho công tác phòng chống dịch. Các biện pháp phòng chống dịch đã được các cấp, ngành triển khai nhanh chóng, phù hợp và hiệu quả; kịp thời phát hiện và khắc phục những bất cập, điều chỉnh các giải pháp theo diễn biến của dịch bệnh và tình hình thực tế của từng địa bàn. Từ tháng 5/2023 đến nay, tình hình dịch COVID-19 tại tỉnh đã ổn định. Các nhiệm vụ, giải pháp về kiểm soát, quản lý bền vững dịch bệnh Covid-19 trong giai đoạn mới tiếp tục được duy trì, kiểm soát tốt trên địa bàn tỉnh.

Mạng lưới y tế toàn tỉnh tiếp tục được kiện toàn và từng bước phát triển; năng lực và hiệu quả hoạt động ngày càng nâng cao trên các lĩnh vực công tác của Ngành. Cơ sở hạ tầng các cơ sở y tế được đầu tư xây dựng, nâng cấp ngày càng khang trang; máy móc, thiết bị y tế chuyên dùng tiếp tục được mua sắm, bổ sung phù hợp với từng tuyến kỹ thuật và năng lực sử dụng của cơ sở y tế.

Thực hiện tốt các hoạt động về công tác phòng, chống các dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, kiểm soát một số bệnh không lây nhiễm phổ biến, phòng, chống HIV/AIDS và một số bệnh xã hội, bệnh nghề nghiệp,... Các hoạt động của Chương trình mục tiêu y tế - dân số được tiếp tục duy trì thực hiện có hiệu quả. Giữ vững thành quả thanh toán bệnh bại liệt, loại trừ bệnh uốn ván sơ sinh, loại trừ bệnh phong; cuối năm 2024 đã hoàn thành loại trừ bệnh sốt rét. Nhiều chỉ số về y tế và sức khỏe người dân của tỉnh hiện nay đạt được tốt hơn mức trung bình toàn quốc.

Chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và chăm sóc người bệnh ngày càng nâng cao. Nhiều kỹ thuật mới, chuyên sâu đã được áp dụng trong chẩn đoán, điều trị bệnh với sự hỗ trợ trực tiếp của các bệnh viện tuyến trên, kết hợp với tổ chức khám bệnh, chữa bệnh từ xa. Công tác khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, các đối tượng chính sách được thực hiện tốt.

Công tác mua sắm thuốc, vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm, thiết bị y tế được thực hiện kịp thời, đúng quy định; đảm bảo cung ứng đủ thuốc, vật tư y tế, hoá chất phục vụ cho hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng.

Chất lượng nguồn nhân lực y tế được nâng lên rõ rệt nhờ thực hiện tốt chính sách ưu đãi, thu hút bác sĩ, dược sĩ đại học của tỉnh và công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực y tế được chú trọng, đẩy mạnh. Tinh thần trách nhiệm, phong cách làm việc, thái độ phục vụ người bệnh của viên chức, nhân viên y tế ngày càng tốt.

Thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân đạt chỉ tiêu đề ra. Công tác quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng dân số, đảm bảo an toàn thực phẩm được chú trọng. Công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, xử lý chất thải y tế, an toàn lao động và tạo dựng cảnh quan xanh - sạch - đẹp trong các cơ sở y tế từng bước cải thiện.

6.3. Các vấn đề xã hội được quan tâm giải quyết kịp thời

Tập trung giải quyết đồng bộ các vấn đề xã hội gắn với phát triển kinh tế. Đời sống Nhân dân ổn định, có bước cải thiện rõ nét. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã làm thay đổi diện mạo nông thôn. Hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư cải tạo, nâng cấp đồng bộ; nhiều mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả được nhân rộng; môi trường nông thôn được cải thiện theo hướng sáng - xanh - sạch - đẹp. Công tác giảm nghèo đạt kết quả quan trọng. Cơ chế, chính sách giảm nghèo được ban hành và triển khai đồng bộ, toàn diện. Hoàn thành công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn vượt kế hoạch đề ra trước 7 tháng. Công tác đào tạo nghề góp phần giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo cho người lao động trên địa bàn tỉnh. Cơ sở hạ tầng vùng nghèo, vùng đặc biệt khó khăn được quan tâm đầu tư; đời sống vùng đồng bào dân tộc thiểu số chuyển biến tích cực, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Chính sách an sinh xã hội, người có công, chính sách dân tộc, tôn giáo được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Công tác chăm lo cho trẻ em, người yếu thế và bình đẳng giới tiếp tục được chú trọng. Đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động đạt kết quả tích cực. Các hoạt động nhân đạo, từ thiện xã hội được quan tâm đẩy mạnh, huy động được nhiều nguồn lực xã hội cùng tham gia chăm lo đời sống người dân.

7. Công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được chú trọng

Tỉnh đã phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 của Quy hoạch tỉnh cho các địa phương để triển khai lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2025; cấp phép khai thác, đấu giá quyền khai thác các loại khoáng sản được thực hiện theo quy định, công tác quản lý khoáng sản được chỉ đạo sát sao, phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành và chính quyền cơ sở, kịp thời xử lý vi phạm, đưa hoạt động khoáng sản vào nền nếp, tuân thủ pháp luật. Tỉnh đã cơ bản hoàn thành việc kiểm kê nguồn nước mặt nội tỉnh (phía Đông tỉnh đã hoàn thành, phía Tây tỉnh đang triển khai); phân vùng hạn chế khai thác, lập quy hoạch sử dụng nước và ban hành các quy định quan trọng về bảo vệ nguồn nước. Đây là bước đi nền tảng, phù hợp với định hướng "chuyển từ phương thức đáp ứng nhu cầu sang chủ động quản lý nhu cầu, phân bổ dựa trên khả năng của nguồn

nước".

Tỉnh đã đẩy mạnh công tác quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường. Công tác kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm được tăng cường thông qua công tác kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, xử lý các cơ sở vi phạm; vận hành đường dây nóng về bảo vệ môi trường, kịp thời tiếp nhận và giải quyết các kiến nghị, bức xúc của người dân về ô nhiễm môi trường. Các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã được xử lý triệt để; đến nay trên địa bàn tỉnh không còn cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Ô nhiễm môi trường do hậu quả chiến tranh được kiểm soát an toàn. Môi trường ở các đô thị, các cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông, khu vực nông thôn được tăng cường cải thiện. Công tác bảo vệ môi trường đối với các dự án khai thác tài nguyên khoáng sản được quan tâm, chú trọng.

Việc thu hồi, tái chế chất thải trong sinh hoạt và công nghiệp được khuyến khích, tăng cường thông qua các hoạt động thu gom, tái chế chất thải. Đồng thời, các hoạt động kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong công nghiệp, nông nghiệp được duy trì, phát triển. Tiếp tục tăng cường công tác bảo tồn đa dạng sinh học, triển khai các dự án điều tra các hệ sinh thái, các loài động vật, thực vật đặc hữu, có giá trị khoa học, kinh tế hoặc đang có nguy cơ tuyệt chủng tại các khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao trên địa bàn tỉnh.

Công tác thông tin, tuyên truyền về phòng chống thiên tai, đào tạo, tập huấn cho lực lượng làm công tác phòng chống thiên tai và việc thực hiện phương châm “4 tại chỗ” được sự quan tâm của các ngành, các cấp và Nhân dân; năng lực theo dõi, giám sát, cảnh báo thiên tai ngày càng nâng cao; cơ sở dữ liệu và hệ thống dự báo, theo dõi, giám sát các trọng điểm về phòng chống thiên tai được đầu tư xây dựng. Hàng năm, tổ chức kiểm tra an toàn hồ đập, đê điều, chỉ đạo xây dựng Phương án ứng phó thiên tai các cấp; tổ chức diễn tập vận hành phần mềm phòng chống thiên tai đảm bảo sự vận hành cơ chế phòng chống bão lụt đồng bộ, thống nhất, linh hoạt từ tỉnh đến huyện xã và nhân dân. Góp phần lớn, chủ động, sẵn sàng trong phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai (chủ động phòng ngừa; ứng phó kịp thời, linh hoạt; khắc phục khẩn trương, hiệu quả).

Đã chủ động lồng ghép nội dung ứng phó biến đổi khí hậu vào các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt, đã có những bước tiến vượt bậc trong việc hiện đại hóa hạ tầng quan trắc, cảnh báo sớm thiên tai, đặc biệt tại khu vực duyên hải với hệ thống quan trắc chuyên dùng hiện đại gồm gần 98 trạm đo mưa tự động, 38 trạm đo mực nước tự động, camera giám sát và các tháp cảnh báo lũ thông minh giúp nâng cao năng lực dự báo và chủ động phòng tránh.

Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và thị trường carbon: Đã xác định các cơ sở thuộc diện phải kiểm kê khí nhà kính và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg ngày 13/8/2024, hiện ngành đang tích cực đôn đốc các đơn vị liên quan thẩm định báo cáo của các cơ sở. Đồng thời, tỉnh đang tích cực nghiên cứu, đề xuất các đề án và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tham gia thị trường carbon, đón đầu cơ hội khi thị trường vận hành chính thức.

7. Xây dựng chính quyền

7.1. Xây dựng chính quyền các cấp, công tác cải cách hành chính

Các cấp ủy, tổ chức đảng trong tỉnh đã kịp thời tổ chức quán triệt, cụ thể hóa phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương và thực hiện có hiệu quả chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tiếp tục đổi mới, sắp

xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả và đạt kết quả quan trọng. Hoàn thành Đề án sáp nhập trở thành tỉnh Gia Lai (mới), Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

Công tác cải cách hành chính tiếp tục được chú trọng; các cơ quan hành chính nhà nước đẩy mạnh thực hiện công khai, minh bạch, đơn giản hóa thủ tục hành chính. Công tác xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước tiếp tục được quan tâm.

7.2. Công tác nội chính; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí

Công tác phòng, chống tham nhũng, thanh tra, kiểm tra tiếp tục được chỉ đạo triển khai theo kế hoạch, tập trung vào các lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai, đầu tư, xây dựng cơ bản, tài chính - ngân sách và những vụ việc nổi cộm, bức xúc có dấu hiệu tiêu cực, vi phạm pháp luật.

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo đã được các cấp, các ngành quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết kịp thời, đúng quy định, góp phần giữ vững ổn định tình hình an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội.

8. Quốc phòng - an ninh được tăng cường, chính trị - xã hội tiếp tục được giữ vững

8.1. Nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương được đặc biệt chú trọng, thực hiện hiệu quả

Công tác quốc phòng an ninh luôn được đảm bảo, công tác huấn luyện quân sự, giáo dục quốc phòng và xây dựng lực lượng tiếp tục triển khai theo kế hoạch. Đã tổ chức lễ giao quân đạt 100% chỉ tiêu; tham gia bảo vệ an toàn các ngày Lễ lớn của tỉnh và của đất nước, tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh và chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố diễn tập khu vực phòng thủ, hoàn thành 100% chỉ tiêu trong nhiệm kỳ. Các lực lượng chức năng đã chủ động nắm bắt tình hình, phát hiện, xử lý kịp thời nhiều vụ việc liên quan đến an ninh chính trị. Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm được tăng cường; đã tổ chức nhiều đợt cao điểm ra quân phối hợp tấn công, trấn áp các loại tội phạm, băng nhóm và phòng chống tệ nạn xã hội có hiệu quả, phòng cháy chữa cháy và kiểm chế tai nạn giao thông. Tổ chức huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị đảm bảo chất lượng, nâng cao sức mạnh, khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang tỉnh. Thực hiện tốt công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn.

8.2. An ninh trật tự trên địa bàn được đảm bảo, chính trị - xã hội được giữ vững, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội

Lực lượng công an tỉnh đã làm tốt vai trò nòng cốt triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự, góp phần bảo vệ tuyệt đối an toàn các sự kiện chính trị quan trọng diễn ra trên địa bàn tỉnh. Các lực lượng chức năng đã phối hợp nắm tình hình, kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; giữ vững an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh, không để xảy ra phá hoại khủng bố bạo loạn. Công an tỉnh và các lực lượng chức năng đã thực hiện có hiệu quả các đợt cao điểm ra quân tấn công, trấn áp tội phạm, đảm bảo trật tự an toàn giao thông; trật tự an toàn xã hội. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được tăng cường. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đã được phát triển rộng khắp; phát hiện và giải quyết kịp thời các vấn đề liên quan đến công tác bảo vệ chính trị nội bộ, an ninh văn hóa - tư tưởng, an ninh

kinh tế; an ninh nông thôn, an ninh tuyến núi, tuyến biển... Hoàn thành Đề án đưa Công an chính quy về xã và thành lập lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

Chủ động triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh chính trị; làm tốt công tác nắm tình hình từ sớm, từ xa, từ cơ sở, kịp thời phát hiện, triển khai các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn, làm thất bại âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động. Đấu tranh hiệu quả với hoạt động nhen nhóm phục hồi tượng FULRO tại cộng đồng, công tác vận động số đối tượng FULRO, “Tin lành Đê Ga” quay về các tôn giáo được công nhận, đặc biệt là nhân rộng Mô hình “Trở về đức tin, giữ bình yên thôn, làng”, góp phần kiểm soát tốt tình hình và từng bước làm suy yếu, đẩy lùi các nhân tố gây mất an ninh, trật tự trên địa bàn. Bảo đảm an toàn tuyệt đối các mục tiêu, công trình trọng điểm, các sự kiện chính trị của đất nước, của tỉnh và hoạt động của các đoàn lãnh đạo Đảng, Nhà nước đến địa phương. Tăng cường công tác bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh tôn giáo, an ninh mạng, an ninh thông tin, truyền thông..., giải quyết kịp thời các vấn đề về an ninh xã hội, an ninh nông thôn ngay từ cơ sở, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Tăng cường tuần tra, kiểm soát bảo vệ biên giới; đấu tranh, ngăn chặn, xử lý, giải quyết kịp thời, hiệu quả các vụ việc, tình huống phát sinh trên tuyến biên giới.

9. Hoạt động đối ngoại được đẩy mạnh

Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã chỉ đạo tổ chức nhiều hoạt động đối ngoại quan trọng, có ý nghĩa tại tỉnh nhằm không ngừng tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, thu hút nguồn lực đầu tư trực tiếp nước ngoài, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Đã tổ chức thành công nhiều sự kiện đối ngoại quan trọng tại tỉnh như Hội nghị ký kết hợp tác giữa UBND tỉnh Bình Định với chính quyền 04 tỉnh Nam Lào giai đoạn 2020 - 2025 và một số hoạt động nhân kỷ niệm 60 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Lào (05/9/1962-05/9/2022) và 45 năm ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác Việt Nam - Lào (18/7/1977-18/7/2022); sự kiện “Gặp gỡ Hàn Quốc năm 2022”; Hội nghị “Gặp gỡ các Trưởng cơ quan đại diện ngoại giao và tổ chức nước ngoài tại Việt Nam; Hội nghị “Gặp gỡ Nhật Bản năm 2023” cùng nhiều hoạt động kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản; Hội nghị Xúc tiến đầu tư các doanh nghiệp Đức; Hội nghị Xúc tiến đầu tư các doanh nghiệp Việt Nam - Canada; Hội nghị Xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch với các đối tác Ấn Độ; Hội nghị Gặp gỡ các doanh nghiệp Thái Lan tại tỉnh; Hội nghị thông tin tuyên truyền tình hình kinh tế - xã hội, tiềm năng, lợi thế, chính sách thu hút đầu tư với các cơ quan báo chí trong nước và nước ngoài; Hội nghị tổng kết đánh giá tình hình vận động, triển khai thực hiện các dự án, phi dự án thuộc nguồn vốn phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh... Các hội nghị nêu trên đã bố trí lồng ghép nhiều nội dung phong phú, thiết thực, thu hút đông đảo các cơ quan, tổ chức, đối tác và nhà đầu tư trong và ngoài nước đến tham dự, khảo sát thực tế và ký kết hợp tác, đầu tư tại tỉnh, góp phần thúc đẩy hoạt động thu hút đầu tư, thương mại, du lịch và nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế giữa tỉnh với các địa phương, đối tác nước ngoài...

Bên cạnh đó, UBND tỉnh cũng đã tổ chức nhiều Đoàn công tác của tỉnh đi thăm, làm việc mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, kết hợp xúc tiến đầu tư tại một số quốc gia như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Canada, Đức, Pháp, Hà Lan, Thụy Sĩ, Italia, UAE, Ấn Độ,

Thái Lan... Cùng với việc đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, tỉnh đã ký kết được 16 bản thỏa thuận quốc tế với các cơ quan, đơn vị và địa phương nước ngoài theo Luật thỏa thuận quốc tế. Các đối tác ký kết hợp tác hữu nghị với tỉnh khá đa dạng, trong đó gồm một số địa phương, tổ chức nước ngoài và tập đoàn kinh tế lớn thuộc các nước Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Cộng hòa Liên bang Đức...

Công tác lễ tân đối ngoại, văn hóa đối ngoại, thông tin đối ngoại luôn được chú ý quan tâm và thực hiện kịp thời nhằm không ngừng củng cố, thắt chặt mối quan hệ hữu nghị hợp tác với các địa phương, đối tác và quảng bá tiềm năng, thế mạnh, hình ảnh của tỉnh đến với bạn bè quốc tế. UBND tỉnh đã có Thư thăm hỏi, Thư chúc mừng, Thư cảm ơn, Thư chia buồn... đến Đại sứ quán, Lãnh sự quán và các tổ chức quốc tế tại Việt Nam nhân các ngày lễ, tết, sự kiện đặc biệt; tổ chức đón tiếp đoàn ngoại giao, khách quốc tế đến thăm, chào xã giao và làm việc với Lãnh đạo Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị trong tỉnh an toàn, trọng thị, đảm bảo yêu cầu công tác ngoại giao theo quy định. Tổ chức nhiều Hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế với sự tham dự của hàng nghìn nhà khoa học đến từ khắp nơi trên thế giới và các sự kiện văn hóa, thể thao nổi bật tại các sự kiện đối ngoại tổ chức tại tỉnh. Tranh thủ vận động chương trình hỗ trợ phát triển, nhân đạo của chính phủ các nước; tích cực triển khai công tác vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài bám sát định hướng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, các lĩnh vực ưu tiên trong giai đoạn 2020 - 2025. Tiếp tục duy trì, thắt chặt quan hệ hữu nghị truyền thống, hợp tác phát triển với các tỉnh Đông Bắc Campuchia và Nam Lào, giữ vững đường biên giới Việt Nam - Campuchia hòa bình, ổn định. Chấp hành nghiêm việc quản lý đoàn ra, đoàn vào, xuất - nhập cảnh. Quan tâm chỉ đạo tìm kiếm, cất bốc, hồi hương hài cốt liệt sĩ, chuyên gia Việt Nam hy sinh qua các thời kỳ chiến tranh tại Campuchia. Công tác nắm tình hình, quản lý cư trú tại địa bàn, đấu tranh, ngăn chặn, xử lý các vụ việc đưa người xuất cảnh trái phép tiếp tục được tăng cường.

III. Tồn tại, hạn chế

- Kinh tế của tỉnh tuy phát triển nhưng chưa bền vững; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp, dịch vụ chậm, chưa có đột phá. Công nghiệp phát triển chưa bền vững; chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm chưa cao. Hạ tầng kỹ thuật một số cụm công nghiệp xây dựng chưa hoàn chỉnh, thiếu đồng bộ, tiến độ đầu tư còn chậm.

- Sản xuất nông nghiệp phân tán, còn ít sản phẩm chủ lực đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng hóa và xuất khẩu. Một số chính sách, chương trình, đề án phát triển nông nghiệp triển khai chưa thật hiệu quả; dịch bệnh trên động vật vẫn còn diễn biến phức tạp. Tình trạng lấn chiếm đất đai, khai thác tài nguyên trái phép, ô nhiễm môi trường, phá rừng, vi phạm vùng biển nước ngoài... tuy được tập trung xử lý nhưng vẫn còn tồn tại.

- Hoạt động thương mại, dịch vụ, nhất là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Du lịch phát triển chưa tương xứng tiềm năng, sản phẩm du lịch chưa phong phú, hạ tầng vui chơi - giải trí còn yếu; chất lượng nguồn nhân lực và công tác quảng bá chưa đáp ứng yêu cầu.

- Cơ sở vật chất, thiết bị của một số cơ sở giáo dục chưa đáp ứng nhu cầu dạy và học theo chương trình mới. Việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học - công nghệ vào sản xuất và đời sống đạt hiệu quả chưa cao; hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo chưa có sự đột phá. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa, nhất là việc trùng tu, tôn tạo, quản lý và phát huy giá trị các di tích văn hóa lịch sử có mặt còn hạn chế. Một số cơ sở khám, chữa

bệnh của tỉnh gặp khó khăn về tài chính; một số cơ sở y tế còn thiếu bác sỹ, nhất là ở tuyến huyện và xã. Thị trường lao động phát triển chậm; chất lượng lao động và việc làm còn thấp; tỷ lệ hộ nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn cao.

- Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn có lúc, có nơi còn diễn biến phức tạp, nhất là tình trạng mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy. Một số đơn vị, địa phương chỉ đạo xử lý, giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo còn chậm...

- Công tác phối hợp, đề xuất giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh thiếu chặt chẽ, kịp thời. Công tác cải cách hành chính và giải quyết thủ tục hành chính của một số đơn vị còn hạn chế.

IV. Đánh giá chung

Nhìn chung, tuy phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là đại dịch Covid-19 chưa có tiền lệ, tỉnh ta đã đạt được những kết quả quan trọng, khá toàn diện trên các lĩnh vực, nhiều điểm sáng nổi bật. Nền kinh tế của tỉnh tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được đầu tư xây dựng, nâng cấp, đáp ứng tốt hơn cho yêu cầu phát triển; hoạt động văn hóa, xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng lên; quốc phòng - an ninh được giữ vững, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm.

1. Nguyên nhân đạt được những kết quả đạt được

- Đạt được những kết quả nêu trên là nhờ sự lãnh đạo đúng đắn, chỉ đạo sâu sắc, kịp thời của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; sự ủng hộ và giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh; sự quyết liệt, quyết tâm phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành, các địa phương, trong tỉnh; sự ủng hộ, chia sẻ, tin tưởng của các tầng lớp nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp; sự kết hợp hài hòa giữa lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất với phân công, phân cấp, phân quyền trong tổ chức thực hiện; kế thừa những kết quả, kinh nghiệm trong những nhiệm kỳ qua và trong phòng, chống dịch và phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội.

- Việc triển khai quán triệt, cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, các nghị quyết, quy định mới của Trung ương; Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm được thực hiện nghiêm túc, kịp thời.

2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Việc triển khai thực hiện Nghị quyết trong bối cảnh chịu những tác động tiêu cực, nguy hiểm, chưa có tiền lệ của đại dịch Covid-19 và những diễn biến phức tạp, khó lường của tình hình thế giới đã tác động mạnh đến kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Xuất phát điểm nền kinh tế của tỉnh thấp, hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ, vốn ít, quản trị yếu, hiệu quả kinh doanh chưa cao, chưa có doanh nghiệp lớn làm đầu tàu, động lực để tạo bước đột phá nhằm thúc đẩy kinh tế của tỉnh phát triển nhanh.

- Hạ tầng kinh tế chưa đồng bộ, hiện đại, nhất là giao thông kết nối; hạ tầng các khu, cụm công nghiệp; điểm, tuyến du lịch và cơ sở hạ tầng văn hóa, xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Trong khi đó, nguồn lực đầu tư cho phát triển còn hạn chế, thu ngân sách còn thấp nên ảnh hưởng đến chi đầu tư phát triển.

- Thiên tai, dịch bệnh thường xuyên đe dọa; những năm gần đây do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đã gây bất lợi đến sản xuất, kinh doanh và đời sống của Nhân dân.

2.2 Nguyên nhân chủ quan

- Một số sở, ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao chưa đồng bộ, thiếu chặt chẽ; chỉ đạo xử lý một số vấn đề tồn tại, hạn chế chưa kịp thời, thiếu tập trung, kiên quyết. Sự phối hợp giữa các sở, ngành và địa phương chưa thường xuyên, hiệu quả. Tinh thần trách nhiệm, trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu...

- Nguồn nhân lực phổ thông dồi dào nhưng nhân lực có tay nghề và chất lượng cao còn hạn chế; phân bổ nguồn nhân lực giữa các ngành, vùng địa phương chưa hợp lý.

V. Một số bài học kinh nghiệm

1. Không ngừng đổi mới tư duy, bám sát thực tiễn, dự báo đúng tình hình, kịp thời đề ra nhiệm vụ, giải pháp phù hợp và tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, kịp thời phát hiện và quan tâm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc ngay từ cơ sở để huy động mọi nguồn lực, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, phát triển nhanh và bền vững. Đặc biệt coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, “dám nghĩ, *dám nói*, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới, sáng tạo vì sự nghiệp chung” đi đôi với giữ vững kỷ cương.

2. Tập trung huy động nội lực, phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh, đồng thời chủ động, tích cực tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương trong đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, nhất là đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Luôn coi trọng phát triển kinh tế - xã hội phải gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh; giải quyết tốt các vấn đề xã hội.

3. Tăng cường và giữ vững sự đồng thuận xã hội; xây dựng, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân. Quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc quan điểm “Dân là gốc”, mọi chủ trương, đường lối, chính sách đề phải xuất phát từ nguyện vọng, lợi ích chính đáng và hạnh phúc của Nhân dân; thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ thưởng”; lấy sự hài lòng, tín nhiệm của Nhân dân làm thước đo đánh giá cán bộ và hiệu quả công việc.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Trong thời gian tới, tình hình thế giới và khu vực vẫn còn diễn biến phức tạp, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn nhưng cạnh tranh chiến lược, xung đột diễn ra dưới những hình thức mới và gay gắt hơn; các rào cản thương mại mới nổi và khả năng gia tăng các hạn chế thương mại, đặc biệt là những hạn chế liên quan đến chính sách thuế quan của Hoa Kỳ. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư cùng với quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế đang là hai xu thế lớn, chi phối sâu sắc tiến trình phát triển. Phát triển bền vững trở thành xu thế bao trùm trên thế giới; kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh đang là mô hình phát triển được nhiều quốc gia lựa chọn.

Bối cảnh trong nước, sau 40 năm đổi mới, cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế

của đất nước được nâng lên, là nền tảng quan trọng để tiếp tục xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc... Tuy nhiên, đất nước ta sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Bốn nguy cơ có mặt diễn biến phức tạp hơn. Các thế lực thù địch, phản động chưa bao giờ từ bỏ âm mưu chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ ta. Đảng ta đề ra mục tiêu tăng trưởng giai đoạn 2026 - 2030 đạt hai con số liên tục trong các năm. Đồng thời tiếp tục đẩy mạnh cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy, xây dựng, hoàn thiện, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của đất nước trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc.

Đối với tỉnh ta, đạt được nhiều thành quả quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Dư địa phát triển của tỉnh sau sáp nhập còn lớn. Tuy nhiên, tỉnh tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức: Kinh tế phát triển chưa bền vững; nguồn nội lực còn hạn chế; tác động khó lường của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh.

Trong bối cảnh đó, Đảng bộ, dân và quân trong tỉnh kế thừa những thành quả đạt được, tập trung phát huy lợi thế, nắm bắt thời cơ, nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân, quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng hệ thống chính trị giai đoạn 2025 – 2030.

I. Phương hướng, mục tiêu

Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; bảo đảm quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội; phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, ý chí, khát vọng vươn lên; đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh; xây dựng tỉnh Gia Lai phát triển nhanh, bền vững, trở thành trung tâm công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng tái tạo, nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ, du lịch, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI), trở thành tỉnh phát triển khá và cùng với cả nước vững vàng bước vào kỷ nguyên phát triển mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

II. Các chỉ tiêu chủ yếu: Chi tiết Phụ lục 2 đính kèm theo

III. Các trụ cột tăng trưởng và khâu đột phá

1. Trụ cột tăng trưởng

(1). Tập trung phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo lớn mạnh, trở thành trụ đỡ của nền kinh tế, dựa trên lợi thế về lao động, nông nghiệp và khai thác có hiệu quả hành lang kinh tế Đông - Tây, nhất là khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển, trên trục Quốc lộ 19 và cao tốc Quy Nhơn - Pleiku; tạo đột phá về phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo và công nghiệp xanh, hình thành Trung tâm năng lượng tái tạo của vùng; hỗ trợ chuyển đổi xanh; phát triển công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI) gắn với hình thành Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp vùng.

(2). Phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn dựa trên lợi thế biển, sinh thái núi rừng, di sản văn hóa Tây Nguyên, văn hóa Chăm-pa, văn hóa lịch sử, cách mạng; đẩy mạnh phát triển du lịch cộng đồng.

(3). Phát triển nông nghiệp công nghệ cao và lâm nghiệp bền vững dựa trên lợi thế của tỉnh có đất đỏ Bazan, có đồng bằng, có đồi núi thấp để phát triển các vùng chuyên canh

lớn (cà phê, hồ tiêu, rau quả sạch, dược liệu, chăn nuôi tập trung,...), có biển để phát triển thủy sản công nghệ cao, hình thành các “cứ điểm nông - công nghiệp”, xây dựng mô hình vùng nguyên liệu tập trung, nâng cao các chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực của tỉnh.

(4). Phát triển dịch vụ cảng - logistics bao gồm cảng biển, ga đường sắt, cảng hàng không, cảng cạn dọc theo Quốc lộ 19, cao tốc Quy Nhơn - Pleiku, hình thành các trung tâm logistics từ cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh đến cảng Quy Nhơn.

(5). Phát triển đô thị nhanh và bền vững gắn với phát triển thị trường bất động sản công nghiệp, đô thị, bất động sản du lịch, hạ tầng dịch vụ; kinh tế đô thị đóng góp quan trọng vào tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

2. Khâu đột phá

(1). Đột phá trong xây dựng và hoàn thiện thể chế trên cơ sở triển khai nghiêm túc, hiệu quả và vận dụng sáng tạo các chủ trương, Nghị quyết của Trung ương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, làm nền tảng, động lực để tỉnh Gia Lai vươn mình trong kỷ nguyên mới. Đổi mới mạnh mẽ tư duy phát triển; đổi mới mô hình quản trị từ quản lý sang chính quyền kiến tạo và phục vụ người dân, doanh nghiệp. Xây dựng tổ chức bộ máy chính quyền địa phương hai cấp tỉnh, gọn, mạnh, có nền công vụ hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; xây dựng chính quyền số; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh và đổi mới sáng tạo.

(2). Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; coi đây là động lực mới quan trọng thúc đẩy sự phát triển của tỉnh. Tăng cường đầu tư hạ tầng cho khoa học, công nghệ. Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn, thu hút các nhà đầu tư có tiềm lực tài chính mạnh, khoa học công nghệ tiên tiến thuộc các lĩnh vực đầu tư vào địa bàn tỉnh.

(3). Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao và chuyển đổi số, chuyển đổi xanh. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo quản lý, nâng tầm đội ngũ cán bộ, công chức ở các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

(4). Tạo sự đột phá trong đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, hạ tầng cảng - logistic, hạ tầng công nghiệp - thương mại - dịch vụ, hạ tầng số. Ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông kết nối các địa bàn: cao nguyên - trung du - đồng bằng - ven biển; hệ thống thủy lợi (các hồ, kênh mương) bảo đảm nhu cầu nước tưới cho vùng trồng, nhất là vùng trồng cây công nghiệp.

IV. Nhiệm vụ, giải pháp

1. Phát triển kinh tế nhanh, xanh và bền vững

1.1. Ngành công nghiệp - xây dựng

Phát triển ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, quy mô lớn, có sự bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh. Ngành chế biến, chế tạo trở thành trụ đỡ của nền kinh tế dựa trên lợi thế về lao động, nông nghiệp và khai thác có hiệu quả hành lang kinh tế Đông - Tây, nhất là khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển, trên trục Quốc lộ 19 và cao tốc Quy Nhơn - Pleiku; công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo trở thành một trong những lĩnh vực đột phá, góp phần đưa tỉnh Gia Lai trở thành trung tâm công nghiệp năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp số của vùng.

Chú trọng thu hút đầu tư phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch như điện gió ven bờ, điện gió ngoài khơi, điện mặt trời, điện sinh khối, điện rác và nguồn năng lượng mới (*hydrogen/amoniac xanh...*). Triển khai đầu tư các dự án nguồn và lưới điện đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong các quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Theo Điều chỉnh Quy hoạch Điện VIII đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thì tổng công suất các dự án năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2025 - 2030 khoảng 6.537 MW. Đồng thời, thu hút các dự án sản xuất thép quy mô lớn, đóng tàu, hóa dầu, sản xuất thiết bị phụ trợ điện gió có công nghệ tiên tiến; tăng cường liên kết giữa khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và khu vực trong nước.

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp chế biến nông - lâm sản theo hướng bền vững, hiệu quả, phát triển theo chuỗi giá trị (*từ nguồn nguyên liệu đến chế biến và tiêu thụ trong và ngoài nước*), bảo đảm thực hiện nghiêm các yêu cầu về bảo vệ môi trường và nguồn gốc hợp pháp.

Thành lập mới các khu công nghiệp với diện tích khoảng 3.500 ha. Phấn đấu nâng dần tỷ lệ lấp đầy qua từng năm, đến cuối năm 2030 tỷ lệ lấp đầy đạt trên 80%; Bổ sung quy hoạch các KCN mới ở những vị trí thuận lợi, dọc theo tuyến cao tốc Quy Nhơn – Pleiku, Quốc lộ 19... Tiếp tục bổ sung quy hoạch và có kế hoạch phát triển các khu công nghiệp mới khi đủ điều kiện. Phát triển mô hình khu công nghiệp thông minh, sinh thái, tuần hoàn... Phát triển Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh là đầu mối kết nối hàng hóa, du lịch, dựa trên các dịch vụ về thương mại, du lịch cửa khẩu, logistics, kho bãi, sản xuất nông cụ, chế biến nông, lâm sản và trao đổi văn hóa, triển lãm quốc tế.

Triển khai đầu tư các CCN có trong Quy hoạch tỉnh, sẵn sàng điều kiện về mặt bằng sạch, đảm bảo hạ tầng đồng bộ để thuận lợi trong thu hút các nhà đầu tư có tiềm lực, tăng tỷ lệ lấp đầy trong các CCN. Đồng thời, bổ sung quy hoạch các CCN mới ở những vị trí thuận lợi, dọc theo tuyến cao tốc Quy Nhơn - Pleiku, tuyến Quốc lộ 19 và có kế hoạch phát triển các CCN mới khi đủ điều kiện. Hoàn thành thu hút đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật 62 CCN đã được thành lập với diện tích đất công nghiệp còn lại khoảng 750 ha phục vụ nhu cầu sử dụng đất cho các dự án sản xuất công nghiệp mới; tiếp tục xúc tiến mời gọi doanh nghiệp làm chủ đầu tư 20-25 CCN với diện tích đất công nghiệp khoảng 1.000 - 1.200 ha phục vụ thu hút các dự án quy mô lớn và bố trí đảm bảo quỹ đất dành cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại. Tiếp tục thành lập mới 31 CCN với diện tích khoảng 2.560 ha để đảm bảo diện tích đất công nghiệp trong các CCN đi vào hoạt động, phục vụ thu hút 370 dự án thứ cấp với tổng diện tích khoảng 1.670 ha. Từng bước phát triển mô hình CCN sinh thái, tuần hoàn, thông minh; CCN gắn với cứ điểm nông - công nghiệp,...

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp trong nông thôn, nhất là hoạt động khuyến công với mục tiêu “*hỗ trợ nhanh - hoạt động sớm - hiệu quả cao*” cùng với định hướng phát triển “*xanh - số - tuần hoàn*”; trong đó, ưu tiên hỗ trợ các đề án thực hiện tại các xã biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; đồng thời tập trung hỗ trợ các ngành nghề, lĩnh vực mà tỉnh có thế mạnh như: công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, chế biến thực phẩm, công nghiệp môi trường, công nghiệp xanh, công nghiệp giảm phát thải và cacbon thấp, công nghiệp năng lượng thân thiện môi trường; công nghiệp công nghệ cao, sạch, tiêu tốn ít

năng lượng; công nghệ sinh học; ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

Giai đoạn 2026-2030, phân đầu thu hút 1.045 dự án với tổng vốn đầu tư 254.931 tỷ đồng (*KCN thu hút 225 dự án với tổng vốn đầu tư 204.146 tỷ đồng, CCN thu hút 370 dự án với tổng vốn đầu tư 37.000 tỷ đồng*); trong đó, có 350 dự án công nghiệp trọng điểm với vốn đầu tư 229.440 tỷ đồng. Phân đầu có 771 dự án đi vào hoạt động với tổng vốn đầu tư 219.875 tỷ đồng (*KCN có 155 dự án với tổng vốn đầu tư 118.976 tỷ đồng, CCN có 300 dự án với tổng vốn đầu tư 25.559 tỷ đồng*); trong đó, có 203 dự án trọng điểm với vốn đầu tư 197.887 tỷ đồng.

- Đối với ngành xây dựng: Rà soát, điều chỉnh quy hoạch chung, quy hoạch phân khu phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh mới. Tập trung phối hợp, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đường bộ cao tốc, đường sắt tốc độ cao, cảng hàng không, cảng biển trên địa bàn tỉnh.

Đẩy mạnh đầu tư hạ tầng kỹ thuật khung kết nối các khu vực kết hợp phát triển các đô thị thông minh, hiện đại. Đầu tư xây dựng các dự án nhà ở, nhất là nhà ở xã hội, các dự án y tế, giáo dục, khu vui chơi, giải trí, thương mại, dịch vụ để nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

Đẩy mạnh công tác thẩm định, quản lý chất lượng các dự án, công trình đầu tư xây dựng. Tăng cường công tác ủy quyền phê duyệt dự án và đẩy mạnh phân công, phân cấp thẩm định, quản lý chất lượng. Tập trung theo dõi, đôn đốc và kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển đô thị theo hướng đồng bộ, thông minh, xanh và bền vững.

Hoàn thành chỉ tiêu xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh theo Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030”.

Xây dựng và triển khai kế hoạch đầu tư, xây dựng các dự án cấp nước, đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân và phục vụ phát triển công nghiệp, nhất là Đề án phát triển cấp nước tỉnh.

Triển khai thực hiện Đề án phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, định hướng đến năm 2035. Chuyển đổi phương tiện giao thông sử dụng điện, năng lượng xanh.

1.2. Đối với ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản

a) Về trồng trọt:

- Phát triển trồng trọt theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, nông nghiệp xanh, hữu cơ, công nghệ cao, tuần hoàn và đa giá trị; sản phẩm có sức cạnh tranh, đảm bảo an toàn thực phẩm, gia tăng giá trị xuất khẩu; sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái, phòng, chống có hiệu quả thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo việc làm mới, đảm bảo sinh kế, nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống cho nông dân góp phần vào tăng trưởng, phát triển kinh tế, ổn định xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên diện tích đất trồng lúa, sắn, mía, điều,... kém hiệu quả sang phát triển diện tích rau, đậu đỗ các loại, cây ăn quả, cây

được liệu và các cây trồng khác có giá trị kinh tế cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với nhu cầu thị trường ở những chân đất thích hợp và dành một phần quỹ đất để phát triển các khu, vùng, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Tăng cường kết nối phát triển vùng nguyên liệu các cây trồng hàng hóa có thể mạnh của các địa phương trong tỉnh gắn với nhà máy chế biến và thị trường tiêu thụ; đảm bảo nông sản hàng hóa đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc rõ ràng.

- Tổ chức lại sản xuất trồng trọt theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, chuyên canh, hình thành và phát triển các vùng nguyên liệu cây trồng hàng hóa đạt chuẩn, sản xuất theo hợp đồng kinh tế gắn với thị trường tiêu thụ và xuất khẩu. Đối với rau: phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung theo chuỗi giá trị, liên kết chặt chẽ giữa người trồng rau với hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm rau, bảo đảm truy xuất nguồn gốc, gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ. Đối với cây dược liệu: tập trung phát triển cây dược liệu dưới tán rừng.

b) Về chăn nuôi:

- Tiếp tục phát triển chăn nuôi theo hướng ứng dụng công nghệ cao, hiện đại, đồng thời đẩy mạnh chăn nuôi hữu cơ, chăn nuôi truyền thống theo hướng sản xuất hàng hóa; Tập trung phát triển chăn nuôi trang trại công nghiệp với quy mô lớn, giảm tỷ lệ chăn nuôi nông hộ; ứng dụng công nghệ số trong chăn nuôi, giám sát dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường; Đẩy mạnh xây dựng vùng, chuỗi, cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh; Mở rộng phát triển chăn nuôi theo các tiêu chuẩn; Phát huy tiềm năng, lợi thế của các vùng sinh thái để phát triển chăn nuôi hiệu quả, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu; Xây dựng các vùng chăn nuôi trọng điểm, tạo vùng nguyên liệu đảm bảo chất lượng, gắn với phát triển các liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi, tập trung phát triển chăn nuôi ở khu vực phía Tây tỉnh;

Tập trung phát triển chăn nuôi đối với 03 loại vật nuôi chủ lực của tỉnh là bò, lợn, gia cầm; tăng tỷ lệ giống có năng suất, chất lượng cao, nâng cao trọng lượng thịt hơi xuất chuồng; tiếp tục mở rộng phát triển các vật nuôi khác như: tằm, ong, yến, dê và các sản phẩm chăn nuôi đặc sản. Phấn đấu kêu gọi đầu tư xây dựng mới các cơ sở giết mổ động vật tập trung trên địa bàn tỉnh.

c) Về thủy sản:

- Đầu tư, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng và dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác, nuôi trồng bền vững và chế biến thủy sản. Chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản có ảnh hưởng lớn đến nguồn lợi, môi trường, hệ sinh thái sang các nghề khai thác hải sản có ảnh hưởng ít hơn hoặc chuyển sang các ngành nghề khác. Phát triển ngành thủy sản theo hướng phát triển vùng nuôi sinh thái, thâm canh tập trung ứng dụng công nghệ cao, phát triển nuôi biển, nuôi thủy sản nước ngọt; giảm dần sản lượng khai thác ven bờ, nâng cao hiệu quả khai thác xa bờ phù hợp với trữ lượng nguồn lợi, chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU). Tận dụng, khai thác hiệu quả, bền vững diện tích mặt nước hồ chứa thủy lợi, thủy điện để duy trì và phát triển các đối tượng thủy sản truyền thống. Đẩy mạnh thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực khai thác, nuôi trồng thủy sản, nhất là nuôi tôm công nghệ cao, chế biến hải sản xuất khẩu.

Về khai thác thủy sản: Giảm sản lượng khai thác thủy sản theo hướng phát triển

bền vững bảo vệ nguồn lợi thủy sản, nâng cao giá trị sản phẩm, giảm tổn thất sản phẩm sau thu hoạch, áp dụng khai thác theo công nghệ cao.

Về Nuôi trồng thủy sản: Đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh tập trung, đa dạng hóa đối tượng nuôi, ứng dụng công nghệ cao đảm bảo hiệu quả, bền vững; nâng cao thu nhập, đào tạo lao động ngành. Kiểm soát toàn bộ diện tích nuôi thâm canh về môi trường, an toàn dịch bệnh; tái tạo nguồn lợi, bảo tồn đa dạng sinh học.

d) Về lâm nghiệp:

Phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững; hình thành bể chứa carbon khu vực hướng tới thị trường trong nước và quốc tế. Phát triển trồng rừng gỗ lớn gắn với chứng chỉ rừng đáp ứng cơ bản nhu cầu nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến gỗ và thị trường lâm sản, carbon rừng. Xây dựng kế hoạch sử dụng hợp lý diện tích đất lâm nghiệp người dân đang sản xuất nông nghiệp để chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp mục đích lâm nghiệp và trồng rừng. Phát triển sản xuất giống cây lâm nghiệp công nghệ cao (công nghệ nuôi cấy mô), chú trọng cây gỗ lớn. Phát triển giá trị đa dụng hệ sinh thái rừng, như: Phát triển lâm sản ngoài gỗ; phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng,...

- Quản lý, bảo vệ 100% diện tích rừng tự nhiên hiện có của tỉnh. Thực hiện quyết liệt các biện pháp bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng, hạn chế tối đa tình trạng phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật và mua bán, vận chuyển, tàng trữ, chế biến lâm sản, động vật hoang dã trái pháp luật, chống người thi hành công vụ; lập hồ sơ xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật góp phần bảo vệ an ninh quốc phòng, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

- Huy động và thực hiện đa dạng hóa các nguồn lực ngoài nhà nước, vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào trồng rừng, ưu tiên trồng rừng gỗ lớn, trồng và chế biến sâu được liệu dưới tán rừng, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí,... Sử dụng có hiệu quả tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh.

1.3. Đối với ngành dịch vụ

a) Phát triển thương mại nội địa

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về thương mại, đặc biệt là triển khai có hiệu quả các quy hoạch về hạ tầng thương mại đảm bảo cơ hội phát triển của các doanh nghiệp thương mại và lợi ích của người tiêu dùng; tổ chức, quản lý tốt các kênh lưu thông hàng hóa; theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường, giá cả, cung cầu hàng hóa trên địa bàn tỉnh, nhất là các mặt hàng thuộc diện bình ổn giá, những mặt hàng thiết yếu; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường bình đẳng cho các doanh nghiệp, tham gia cạnh tranh lành mạnh trên thị trường.

- Phối hợp kêu gọi, thu hút đầu tư phát triển hạ tầng thương mại hiện đại, nhất là các trung tâm mua sắm lớn, tăng cường mạng lưới thương mại vùng sâu, vùng xa.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại nội địa và khuyến khích tiêu dùng nội địa nhằm hỗ trợ người tiêu dùng, các doanh nghiệp tại địa phương thông qua Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

- Tăng cường trách nhiệm quản lý của Nhà nước đối với công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; xây dựng một môi trường kinh doanh lành mạnh, đưa việc đáp ứng các nhu cầu, nguyện vọng và bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng thành trách nhiệm, động lực và lợi thế cạnh tranh cho các doanh nghiệp.

- Tăng cường gắn kết lưu thông với sản xuất, đẩy mạnh liên kết chuỗi nhằm kết nối cung cầu, đảm bảo ổn định đầu vào đầu ra. Tăng cường liên kết trong chuỗi cung ứng hàng hóa của các doanh nghiệp phân phối gắn với quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm; liên kết giữa doanh nghiệp bán lẻ với các nhà sản xuất trong việc tạo nguồn hàng sản xuất trong nước với giá cả cạnh tranh, bảo đảm đủ tiêu chuẩn chất lượng để cung ứng cho các cơ sở bán lẻ nhằm giảm sự phụ thuộc vào hàng cùng loại nhập khẩu.

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm mở rộng phát triển thị trường cho các cơ sở, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đầu tư vào hoạt động thương mại, phân phối, bán buôn và bán lẻ. Thúc đẩy sự liên kết, hợp tác giữa các doanh nghiệp trong tỉnh, gia tăng thị phần phân phối hàng hóa và đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Ưu tiên đầu tư phát triển mạng lưới các siêu thị bán buôn và bán lẻ, các trung tâm thương mại, trung tâm phân phối, sàn giao dịch, chợ dân sinh, cửa hàng tiện lợi... đặc biệt là kết nối thị trường tìm đầu ra cho các mặt hàng nông sản của tỉnh thông qua các chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh và xúc tiến thương mại quốc gia.

- Xác định các loại nông sản cần hỗ trợ tiêu thụ, làm việc với các nhà phân phối, chế biến nông sản lớn của cả nước để hình thành các kênh tiêu thụ nông sản bền vững.

- Đẩy mạnh hỗ trợ phát triển thương mại điện tử (TMĐT), hỗ trợ hình thành một số mô hình TMĐT điểm; tuyên truyền nâng cao nhận thức về TMĐT; đẩy mạnh ứng dụng TMĐT hỗ trợ các ngành hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh, mở rộng tiêu thụ hàng hóa nội địa và thúc đẩy phát triển TMĐT tại địa phương; Đa dạng hóa các phương thức phân phối, tạo sự gắn kết giữa TMĐT với các loại hình thương mại truyền thống, khuyến khích thương nhân ứng dụng TMĐT trong giới thiệu, mua bán hàng hóa, dịch vụ.

- Tăng cường công tác phối hợp kiểm tra, kiểm soát thị trường đảm bảo bình ổn thị trường, giá cả; phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng; quản lý chặt chẽ hoạt động kinh doanh đa cấp; thực hiện đầy đủ việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh các mặt hàng cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh theo quy định...

b) Phát triển thương mại biên giới

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý và phát triển hạ tầng thương mại biên giới; nâng cao hiệu quả quản lý hạ tầng thương mại biên giới. Tăng cường hợp tác với lực lượng chức năng quản lý hạ tầng thương mại biên giới của tỉnh biên giới Campuchia, xây dựng và củng cố các cơ chế phối hợp song phương trong quản lý hạ tầng thương mại biên giới.

- Khai thác hiệu quả hoạt động của Khu kinh tế Cửa khẩu Quốc tế Lê Thanh, tăng cường thu hút đầu tư cho hạ tầng thương mại biên giới như: Chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, kho hàng hoá, hạ tầng logistic. Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng cho thương mại biên giới.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân lực làm công tác quản lý hạ tầng thương mại biên giới.

c) Về hội nhập kinh tế quốc tế

- Triển khai thực hiện các chương trình hành động, kế hoạch hành động thực hiện các FTA và các cam kết, hợp tác về hội nhập để tập trung triển khai thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã thỏa thuận để hướng tới xuất nhập khẩu mang tính cân bằng hơn, đảm bảo thị trường ổn định, lâu dài, nâng cao hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế.

- Tiếp tục thông tin tuyên truyền, phổ biến các Hiệp định FTA, đặc biệt là các Hiệp định FTA thế hệ mới và thị trường của các nước cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu tìm kiếm, mở rộng thị trường mới tiềm năng; tiếp tục củng cố, nắm vững các quy định để tận dụng các cơ hội, khắc phục những hạn chế, thách thức, khai thác, phát huy tối đa các lợi thế của các Hiệp định FTA mà Việt Nam đã ký kết.

d) Đối với hoạt động xuất khẩu

- Thường xuyên theo dõi sát thông tin thị trường, đưa ra cảnh báo sớm cho hiệp hội, doanh nghiệp để có phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp, giảm thiểu rủi ro. Hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm, đa dạng hóa và mở rộng thị trường xuất khẩu, giảm thiểu tác động từ các chính sách bảo hộ thương mại và các biện pháp phòng vệ của các nước lớn đảm bảo duy trì sản xuất và xuất khẩu bền vững, đáp ứng yêu cầu của thị trường. Chủ động cập nhật tình hình xuất khẩu, thường xuyên trao đổi với doanh nghiệp để nắm bắt nhu cầu hỗ trợ thị trường, cung cấp thông tin về nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp với Bộ Công Thương và hệ thống Thương vụ Việt Nam tại các Hội nghị giao ban hàng tháng.

- Thông qua Bộ Công Thương, thường xuyên theo dõi các phân tích và đánh giá chính sách thương mại của các nước sở tại để kịp thời tham mưu các biện pháp phù hợp, đảm bảo quyền lợi của doanh nghiệp trong hội nhập kinh tế quốc tế; đồng thời tiếp tục nắm bắt về nhu cầu, thị hiếu và yêu cầu thị trường, từ đó kịp thời tham mưu đề xuất giải pháp với UBND tỉnh, Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan khi phát sinh các khó khăn, vướng mắc về phát triển thị trường xuất khẩu, đưa ra khuyến cáo định hướng sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp.

- Phát triển hệ thống logistics, dịch vụ logistics phát huy lợi thế kinh tế biển, khai thác vị trí thuận lợi cũng như thế mạnh hạ tầng giao thông vận tải đa phương thức, phục vụ kết nối liên vùng và quốc tế theo Đề án đầu tư phát triển hệ thống logistics tỉnh Gia Lai được phê duyệt.

e) Về du lịch

- Xây dựng và triển khai Đề án phát triển du lịch tỉnh giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2045.

- Tập trung phát triển thị trường khách du lịch để nâng cao sức cạnh tranh và khẳng định thương hiệu điểm đến; thu hút khách từ thị trường trọng điểm thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, mở rộng ra các vùng tiềm năng trong nước, chú trọng thị trường quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương, Bắc Mỹ, Châu Âu. Tăng cường thu hút khách du lịch quốc tế đến tỉnh thông qua các chuyến bay charter và phát triển du lịch tàu biển quốc tế. Đa dạng hóa sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển, núi, hồ; phát triển du lịch

di sản, sinh thái, nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe; du lịch cộng đồng, nông nghiệp; du lịch MICE, khoa học; phát triển kinh tế ban đêm. Đầu tư tổ chức sự kiện thể thao, lễ hội tầm quốc tế. Phát huy giá trị các di tích, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể đặc trưng phục vụ du lịch.

- Xây dựng thương hiệu du lịch “biển - rừng, bản sắc Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ”; đẩy mạnh phát triển du lịch thông minh, số hóa cơ sở dữ liệu du lịch, công thông tin, ứng dụng QR code đa ngữ, hình thành điểm đến thông minh. Thúc đẩy liên kết và hợp tác trong phát triển du lịch.

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch; chú trọng đội ngũ hướng dẫn viên, lao động trực tiếp tại cơ sở du lịch, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, ngoại ngữ và ứng xử văn minh; gắn đào tạo với nhu cầu thực tiễn, bảo đảm hiệu quả và bền vững. Xây dựng môi trường du lịch văn minh, thu hút đầu tư xây dựng khu vực Biển Hồ - Chư Đăng Ya và bán đảo Phương Mai trở thành Khu du lịch quốc gia.

g) *Phát triển vận tải và dịch vụ logistics* đáp ứng nhu cầu lưu thông hàng hóa, có kết cấu hạ tầng đồng bộ dọc theo cao tốc Bắc - Nam, cao tốc Quy Nhơn - Pleiku, đường sắt tốc độ cao, đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 19, 19C, 19B, 25 và khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, cảng biển Quy Nhơn, các cảng biển thuộc khu bến Hoài Nhơn, Phù Mỹ, cảng hàng không Phù Cát, Pleiku, khu vực Canh Vinh, dọc các tuyến đường tỉnh ĐT.638, ĐT.639...; đồng thời đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ trong hoạt động vận tải, dịch vụ logistic gắn liền cảng biển, sân bay. Quy hoạch xây dựng trung tâm logistics mới có công suất khoảng 500.000 TEU tại Phù Cát. Phát triển khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh là mắc xích (HUB) logistics, văn hóa, du lịch quan trọng trên hành lang xuyên Á Đông - Tây (QL.19) cửa ngõ kết nối vùng Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.

h) Thu ngân sách nhà nước

- Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước; bám sát từng chỉ tiêu thu ngân sách đã được Hội đồng Nhân dân tỉnh giao hàng năm; xây dựng kế hoạch thu chi tiết và thường xuyên theo dõi chặt chẽ tiến độ thu trên từng địa bàn, kịp thời theo dõi, phân tích, đánh giá, phân loại cụ thể từng sắc thuế, từng ngành, từng lĩnh vực và từng đối tượng để có biện pháp quản lý thu phù hợp hơn, đảm bảo thu đúng, thu đủ.

Đối với thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất: thường xuyên nắm bắt, theo dõi sát tình hình thực hiện hàng tuần, hàng tháng, hàng quý và dự báo chính xác số thu nộp vào ngân sách; đề ra các giải pháp chỉ đạo, điều hành, cụ thể: (i) đơn đốc các đơn vị quản lý, khai thác quỹ đất tổ chức thực hiện công tác đấu giá, đấu thầu đối với các quỹ đất theo kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; (ii) kịp thời hướng dẫn các nhà đầu tư thực hiện và hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định của pháp luật có liên quan, phân loại, đánh giá khả năng thực hiện và đề xuất giải pháp, biện pháp nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đạt và vượt dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao hàng năm.

- Xây dựng quy chế phối hợp trong công tác thu, nộp ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh giữa các Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường nhằm tăng cường trách nhiệm phối hợp giữa các ngành, các cấp trong công tác quản lý thu, nộp Ngân sách Nhà nước đảm bảo thu ngân sách đạt chỉ tiêu được giao.

- Tổ chức điều hành ngân sách theo dự toán đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết

định, theo đó: (i) ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quan trọng phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo chi đầu tư phát triển, nhất là các công trình trọng điểm, cấp thiết; (ii) đảm bảo thực hiện các cơ chế chính sách theo Chương trình hành động của Tỉnh uỷ và thực hiện các nhiệm vụ cấp thiết theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền; (iii) định kỳ đánh giá, dự báo tình hình thu, chi ngân sách, kịp thời đề xuất những biện pháp, giải pháp điều hành ngân sách đạt hiệu quả theo kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2026-2030 của tỉnh.

- Tập trung huy động, ưu tiên các nguồn lực đầu tư hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, nhất là giao thông kết nối vùng, hệ thống thủy lợi khu vực phía Tây tỉnh, Trung tâm hành chính tỉnh.

2. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, tăng cường thu hút đầu tư để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội

Tập trung cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; nâng cao hiệu quả công tác thông tin, dự báo, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường...; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính; đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến; thực hiện công khai, minh bạch thông tin đi đôi với chấn chỉnh lề lối, tác phong làm việc của cán bộ, công chức, viên chức.

Tiếp tục triển khai đề án chuyển một số đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, tạo điều kiện để các doanh nghiệp sau cổ phần hóa hoạt động hiệu quả. Triển khai tốt, hiệu quả các giải pháp hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân thật sự trở thành một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế. Triển khai quyết liệt Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 138/NQ-CP và Nghị quyết số 139/NQ-CP của Chính phủ; Tạo điều kiện thuận lợi và bình đẳng cho doanh nghiệp tư nhân tiếp cận vốn, đất đai, các chính sách ưu đãi và nguồn lực khác, đưa kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế, là lực lượng tiên phong thúc đẩy tăng trưởng. Triển khai hiệu quả cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Phát huy vai trò của kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế hộ. Chú trọng thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc; ưu tiên các dự án công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, chuyển giao công nghệ, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu. Hỗ trợ nhà đầu tư bằng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thông qua các quỹ đầu tư và cung cấp kết cấu hạ tầng. Thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, ưu tiên các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp thích ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển, cung cấp dịch vụ công.

3. Phát triển giáo dục - đào tạo, dạy nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao; khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

3.1. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, dạy nghề

- Tiếp tục hoàn thiện và triển khai mô hình điểm theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị: Đề án phát triển giáo dục STEM trên địa bàn tỉnh; Hệ thống quản lý trường học, kho dữ liệu số, bài giảng điện tử và nền tảng dạy học trực tuyến.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ về đột phá phát

triển giáo dục và đào tạo và Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao toàn diện chất lượng giáo dục, đào tạo giai đoạn 2026 - 2035.

- Tiếp tục rà soát, triển khai thực hiện Đề án phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú giai đoạn 2025 - 2030; hoàn thành xây dựng các trường phổ thông nội trú tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và biên giới trước năm 2030.

- Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng kiên cố hóa trường, lớp học bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị theo tiêu chuẩn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chú trọng đầu tư các phòng học thực hành, trải nghiệm STEM/STEAM, không gian vui chơi và rèn luyện thể chất, nhà công vụ.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng nền tảng số toàn diện cho giáo dục, thống nhất chuẩn đầu vào của các ngành đào tạo, cơ sở đào tạo và kiểm soát chặt chẽ chất lượng đầu ra. Tiếp tục thực hiện phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục; thúc đẩy học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập.

- Xây dựng đội ngũ giáo viên bảo đảm cơ cấu, số lượng, chất lượng, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định.

- Hiện đại hóa giáo dục nghề nghiệp, ưu tiên đầu tư các trường cao đẳng chất lượng cao đạt chuẩn quốc tế. Huy động các doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề, thúc đẩy liên kết nhà trường và doanh nghiệp. Chú trọng chương trình, phương thức đào tạo đáp ứng yêu cầu của thị trường, bảo đảm hiệu quả, thực chất.

- Hợp tác, kết nối và liên kết vùng nhằm phát triển giáo dục và đào tạo.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại ngành nghề phù hợp cho lực lượng lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho thanh niên ngay từ bậc học phổ thông; đẩy mạnh phân luồng, tăng số học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp; thực hiện đào tạo nghề, dạy văn hoá, hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Đẩy nhanh xã hội hoá giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp; đa dạng hoá chủ thể tham gia đào tạo, quy định trách nhiệm và khuyến khích doanh nghiệp đào tạo nghề cho người lao động; thường xuyên kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp”.

5.2. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ và thúc đẩy đổi mới sáng tạo làm động lực tăng trưởng, tạo bức phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả

- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức từ 45% trở lên. Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GRDP của tỉnh. Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 90%; giao dịch không dùng tiền mặt đạt trên 80%. Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 30% trong tổng số doanh nghiệp. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hóa, xã hội, con người Việt Nam, đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh duy trì ở mức trên 0,75.

- Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 12 người trên một vạn dân; có ít nhất 04 tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng

trong nước và quốc tế; số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình 16 - 18%/năm, tỉ lệ khai thác thương mại đạt 8 - 10%.

Xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo tỉnh; Phòng thí nghiệm trọng điểm về công nghệ sinh học; Khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung của tỉnh.

- Xây dựng hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại, dung lượng lớn, băng thông siêu rộng ngang tầm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; ứng dụng có hiệu quả một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano, thông tin di động 5G, 6G, thông tin vệ tinh và một số công nghệ mới nổi. Phủ sóng 5G toàn tỉnh. Thu hút ít nhất 03 tổ chức, doanh nghiệp công nghệ lớn đặt trụ sở hoặc đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Gia Lai.

- Tiếp tục cụ thể hóa và triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về phát triển giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Hình thành Trung tâm điều hành thông minh (IOC). Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt 2% GRDP, trong đó kinh phí từ xã hội hoá chiếm hơn 60%; bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hàng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tăng dần theo yêu cầu phát triển. Triển khai Đề án phát triển ngành công nghệ bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và an ninh mạng. Kết nối Trung tâm Khám phá khoa học và Đổi mới sáng tạo với các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, tập trung vào các công nghệ chiến lược và chuyển đổi số. Xây dựng Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ vũ trụ theo chiến lược phát triển khoa học công nghệ vũ trụ Việt Nam đến năm 2030 của Chính phủ; Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia khu vực miền Trung và Tây Nguyên; Xây dựng phòng thí nghiệm trọng điểm về công nghệ sinh học, Phòng thí nghiệm bán dẫn và các tổ chức nghiên cứu phát triển công nghiệp khác.

- Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Triển khai Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về chip bán dẫn, AI và an toàn thông tin mạng. Xây dựng, triển khai kế hoạch thành lập trung tâm đào tạo tiên tiến chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo.

- Xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch về chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị. Triển khai hiệu quả mô hình quản trị dựa trên dữ liệu; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh.

- Triển khai đồng bộ, có hiệu quả các chính sách, giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả hoạt động, phát triển tài sản trí tuệ, xây dựng thương hiệu và khai thác giá trị sáng chế, giải pháp hữu ích. Có chính sách ưu đãi, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và thu hút các doanh nghiệp khởi nghiệp tại Gia Lai. Triển khai sản xuất thông minh trong các ngành, lĩnh vực: Nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, logistics. Triển khai khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung của tỉnh theo Quy hoạch.

- Triển khai hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nhất là các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ

lượng tử, bán dẫn và các công nghệ chiến lược khác. Tiếp tục hỗ trợ, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm quốc tế Khoa học và giáo dục liên ngành (ICISE). Xây dựng cơ sở dữ liệu về chuyên gia, trí thức Gia Lai trong và ngoài nước, qua đó, thu hút và phát huy có hiệu quả đội ngũ chuyên gia, trí thức, nhà khoa học, doanh nhân Gia Lai.

3.3. Đẩy mạnh chuyển đổi số; phát triển kinh tế số, xã hội số, chính quyền số

Đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số; đẩy mạnh phát triển đồng bộ chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số. Tập trung triển khai thực hiện ba trụ cột quan trọng: Hoàn thiện hạ tầng số, phát triển công nghiệp công nghệ số và xây dựng chính quyền số thông minh, hướng tới mục tiêu đẩy mạnh công cuộc chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn.

Bảo đảm hạ tầng băng thông rộng đến trung tâm các xã. Đồng thời, tập trung triển khai mạng 5G, phân đầu vào nhóm 20 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước. Hạ tầng số được nâng cấp đồng bộ, đáp ứng yêu cầu triển khai chính quyền số.

Tập trung thu hút đầu tư, triển khai các dự án, đề án trọng điểm về công nghệ số để triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW; phân đầu đến năm 2030, từng bước đưa Gia Lai trở thành trung tâm công nghiệp công nghệ số của khu vực. Tập trung hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, thúc đẩy việc khai thác, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị, nhằm hỗ trợ hiệu quả quá trình ra quyết định trong quản lý và điều hành.

4. Tiếp tục hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ gắn với đẩy mạnh liên kết vùng, phát triển các khu vực trong tỉnh

4.1. Hoàn thiện hạ tầng thiết yếu đáp ứng yêu cầu phát triển

Tích cực huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, thông minh, liên kết, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh. Coi trọng xã hội hóa, thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, hạ tầng dịch vụ - du lịch, văn hóa - xã hội, công nghệ thông tin. Tập trung nguồn lực đầu tư một số công trình trọng điểm⁴⁵; nhất là đầu tư xây dựng mới Trung tâm hành chính tỉnh tại Khu kinh tế Nhơn Hội; đầu tư nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị sau sắp xếp.

Triển khai thực hiện quy hoạch và các đề án phát triển giao thông nhằm phát triển đồng bộ, hiện đại hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong kỷ nguyên mới, nhất là hạ tầng hàng không, đường sắt, đường bộ và cảng biển; tăng cường phối hợp với các bộ, ngành Trung ương hoàn thành xây dựng tuyến cao tốc Bắc - Nam qua địa bàn tỉnh; Tuyến cao tốc Quy Nhơn - Pleiku; đặc biệt dự án tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam. Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình thủy lợi theo hướng đa mục tiêu⁴⁶; nhất là đầu tư xây dựng, nâng cấp các hồ chứa nước và hệ thống kênh mương bảo đảm nhu cầu nước tưới cho sản xuất nông nghiệp tập trung, nhất là các

⁴⁵ Xây dựng hệ thống đường tỉnh kết nối (Vĩnh Thanh - Kbang, Vân Canh - Kông Chro...), các tuyến đường cao tốc, đường quốc lộ đến các khu kinh tế, khu du lịch, dịch vụ trọng điểm, đường vào khu, cụm công nghiệp; Tuyến đường sắt kết nối các tỉnh khu vực Tây Nguyên, Nâng cấp ga Diêu Trì và ga Bồng Sơn thành ga tổng hợp, xây dựng mới 02 ga hàng hóa đường sắt tại khu vực xã Tuy Phước và xã Vân Canh phục vụ vận chuyển hàng hóa cho cảng Quy Nhơn, Khu kinh tế Nhơn Hội và các trung tâm logistics; Đầu tư mới nhà ga, mở rộng sân đỗ, xây dựng thêm đường cất hạ cánh số 2 và các đường lăn phù hợp với quy hoạch Cảng hàng không Phù Cát, Cảng hàng không Pleiku; Nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các bến cảng thuộc các khu bến Quy Nhơn - Thị Nại - Đống Đa; khu bến Nhơn Hội; khu bến cảng Phù Mỹ, Hoài Mỹ; Đầu tư hệ thống cảng cạn theo quy hoạch, các cụm cảng, bến thủy nội địa; Đầu tư Cầu Thị Nại 2; hoàn thành tuyến đường ven biển tiếp nối tỉnh Quảng Ngãi...

⁴⁶ Phát triển thành 06 vùng cấp nước thủy lợi: Nam Bắc An Khê và vùng phụ cận, vùng thượng Ayun, Ayun Pa, Kông Pa, Đông - Tây Pleiku, Ia Mor - Ia Lốp.

vùng chuyên canh cây công nghiệp. Quan tâm đầu tư hệ thống hạ tầng phòng, chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu; các dự án cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt của Nhân dân. Phát triển hạ tầng năng lượng gắn với từng bước đầu tư các trung tâm tích trữ điện, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế cao. Đầu tư, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng và dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác, nuôi trồng bền vững và chế biến thủy sản. Quan tâm phát triển hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, thông minh. Phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông; ưu tiên đầu tư hạ tầng số đi trước một bước. Phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng y tế, giáo dục và văn hóa xã hội⁴⁷.

4.2. Tăng cường liên kết giữa các địa phương, các khu vực trong tỉnh, vùng và cả nước

Triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.

* Định hướng phát triển vùng trong thời gian tới:

- Khu vực đô thị: Đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hóa và kinh tế đô thị. Phát triển đô thị theo hướng đô thị nén - đô thị sinh thái; chú trọng mô hình phát triển đô thị theo định hướng phát triển giao thông công cộng (TOD); quy hoạch, khai thác hiệu quả không gian ngầm. Mở rộng các loại hình nhà ở, ưu tiên đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân. Phấn đấu nâng cấp 13 xã thành đô thị giai đoạn 2026–2030, với tỷ lệ đô thị hóa dự kiến tăng từ 35,3% (2026) lên 49,4% (2030). Định hướng phát triển đô thị cụ thể như sau:

- Năm 2026: Đô thị tại các xã: Tuy Phước, Cát Tiên
- Năm 2027: Đô thị tại các xã: Đê Gi, Tây Sơn, Chư Sê.
- Năm 2028: Đô thị tại các xã: Phù Mỹ, Tuy Phước Đông, Tuy Phước Tây.
- Năm 2029: Đô thị tại các xã: Phù Cát, An Lương, Tuy Phước Bắc.
- Năm 2030: Đô thị tại các xã: Phù Mỹ Đông, Đak Đoa.

- Khu vực cao nguyên và đồng bằng: Tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh xây dựng các khu đô thị, khu dân cư theo quy hoạch. Xây dựng một số mô hình làng nghề truyền thống, khôi phục các làng nghề và các khu sinh hoạt cộng đồng gắn với bản sắc văn hóa các dân tộc để thu hút du khách, phát triển các khu du lịch cộng đồng.

- Khu vực miền núi và biên giới: Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới. Huy động hiệu quả các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là tại các làng, khu vực xa trung tâm xã.

- Khu vực biển và ven biển: Xác định ven biển là vùng động lực tạo đột phá cho tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Phát triển các ngành du lịch và dịch vụ biển; nuôi trồng và khai thác hải sản; công nghiệp ven biển; năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế mới. Tiếp tục đầu tư phát triển hành lang giao thông đường bộ ven biển, đô thị ven biển

⁴⁷ Huy động nguồn lực để đầu tư một số dự án như: Bảo tàng tỉnh Bình Định, Nâng cấp mở rộng Bệnh viện đa khoa tỉnh (xây dựng mới đơn nguyên), Nâng cấp mở rộng Bệnh viện Mắt Bình Định (giai đoạn 2)... Phát triển Bệnh viện đa khoa tỉnh trở thành bệnh viện đa khoa cấp tỉnh đảm nhận chức năng của vùng Nam Trung Bộ.

và hoàn thiện kết cấu hạ tầng làm cơ sở phát triển các hoạt động kinh tế biển.

- Khu vực cửa khẩu: Phát triển cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh là đầu mối kết nối hàng hóa, du lịch, dựa trên các dịch vụ về thương mại, du lịch cửa khẩu, logistics, kho bãi, sản xuất nông cụ, chế biến nông, lâm sản và trao đổi văn hóa, triển lãm quốc tế.

5. Phát triển văn hóa, con người, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống nhân dân

5.1. Phát triển văn hóa, con người, thể dục - thể thao, báo chí

Tiếp tục cụ thể hóa các chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển văn hóa và con người Việt Nam thành các chương trình, đề án cụ thể, sát với tình hình thực tiễn của tỉnh. Rà soát, ban hành quy định cơ chế khuyến khích, đãi ngộ trí thức, văn nghệ sĩ, nghệ nhân và những tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật. Triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa. Đẩy mạnh công nghiệp văn hóa, bảo tồn và phát huy các loại hình nghệ thuật truyền thống. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm nâng cao chất lượng, sản phẩm văn hóa hướng đến phát triển công nghiệp văn hóa trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Xây dựng, tổ chức hoạt động có hiệu quả phong trào văn hóa nghệ thuật tại địa phương. Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc. Tăng cường phối hợp trong thanh tra, kiểm tra, quản lý hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa, hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo.

Tăng cường các hoạt động hợp tác, giao lưu văn hóa, nghệ thuật, các hoạt động thông tin đối ngoại giữa tỉnh Gia Lai với các tỉnh của các nước trong khu vực và thế giới nhất là các tỉnh đã có quy chế kết nghĩa và có quan hệ ngoại giao; đa dạng các hình thức đối ngoại văn hóa, đưa các quan hệ quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực; tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm văn hóa Gia Lai.

Tập trung đầu tư xây dựng các công trình thể thao trọng điểm phục vụ đăng cai sự kiện và huấn luyện thành tích cao, ưu tiên xây dựng Trung tâm Võ thuật cổ truyền Bình Định và Nhà thi đấu đa năng đạt chuẩn quốc tế; đồng thời phát triển công trình thể thao cộng đồng tại các xã, phường, gắn với bảo tồn và phát huy các môn thể thao truyền thống dân tộc. Thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tài trợ các sự kiện thể thao, hỗ trợ tài năng thể thao.

Đẩy mạnh hoạt động quảng bá, phát huy di sản Võ Cổ truyền Bình Định: Bảo vệ và được UNESCO xem xét, đưa hồ sơ Di sản văn hóa phi vật thể "Võ cổ truyền Bình Định" vào Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Tổ chức tốt các kỳ Liên hoan quốc tế Võ cổ truyền Việt Nam, các đêm võ đài Bình Định, các đội tuyển võ cổ truyền của tỉnh phấn đấu đạt thành tích tốt nhất, luôn nằm trong top đầu trong các giải vô địch quốc gia hằng năm...

Tăng cường đầu tư trang thiết bị kỹ thuật, hiện đại; nâng cao chất lượng hoạt động xuất bản, báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin cơ sở. Đẩy mạnh truyền thông số, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong hoạt động truyền thông; duy trì hoạt động hợp tác truyền thông với báo chí trung ương; tổ chức các chiến dịch truyền thông về văn hóa, thể thao, du lịch.

5.2. Giải quyết việc làm, nâng cao đời sống Nhân dân, giảm nghèo bền vững

Tạo việc làm cho người lao động phải gắn với mục tiêu phát triển bền vững, nâng cao tay nghề, thu nhập cho người lao động. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế, từng bước thu hẹp số lao động trong khu vực phi chính thức; tăng cơ hội việc làm bền vững cho người trong và sau độ tuổi lao động để thích ứng với tốc độ già hoá dân số. Mở rộng tín dụng chính sách xã hội nhằm hỗ trợ vốn vay tạo việc làm, sinh kế cho người dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn.

Phát triển thị trường lao động theo linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập; phòng, chống hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật trong thực hiện các dịch vụ liên quan đến thị trường lao động như tư vấn, giới thiệu việc làm, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, cho thuê lại lao động... Hiện đại hoá, chuyển đổi số trong thông tin dự báo thị trường, kết nối cung - cầu, quản lý nguồn nhân lực và xây dựng cơ sở dữ liệu lao động, việc làm.

Xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định và tiến bộ; tăng cường đối thoại, thương lượng, ký kết lao động tập thể trong doanh nghiệp, giải quyết tranh chấp lao động đúng pháp luật. Thực hiện nghiêm chỉnh sách, pháp luật về an toàn vệ sinh lao động, đặc biệt trong các lĩnh vực có nguy cơ cao, trong các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

Chú trọng phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại, hội nhập quốc tế, bao phủ được toàn bộ lực lượng lao động; tiếp tục cải cách, mở rộng hệ thống bảo hiểm xã hội, tạo cơ hội tham gia và bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho người lao động. Thực hiện bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động và thành viên của các tổ chức kinh tế tập thể làm việc theo hợp đồng, hưởng tiền lương, tiền công theo quy định của pháp luật. Đổi mới chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện, có chính sách hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho nông dân, người nghèo, người thu nhập thấp, lao động khu vực phi chính thức tham gia

Xây dựng nông thôn mới toàn diện, bền vững, thích ứng linh hoạt với biến đổi khí hậu, bảo đảm phát triển hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan, bản sắc văn hóa và giá trị truyền thống. Hình thành không gian nông thôn xanh, sạch, đẹp, an toàn, văn minh, gắn kết, hạnh phúc; xây dựng nông dân văn minh, có tri thức, kỹ năng, sáng tạo; giữ vững quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, góp phần tạo nền tảng phát triển bao trùm, ổn định và bền vững của đất nước.

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các xã nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn.

5.3. Nâng cao chất lượng y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Nâng cao sức khỏe nhân dân: Triển khai hiệu quả các chương trình quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, thể lực, phòng chống tác hại thuốc lá; ưu tiên nguồn lực cho vùng khó khăn để thu hẹp chênh lệch sức khỏe; tăng cường quản lý an toàn thực phẩm; chăm sóc nhóm đối tượng đặc thù; củng cố y tế dự phòng, tiêm chủng, phòng chống bệnh không lây nhiễm; phát triển mô hình bác sĩ gia đình.

Phòng chống dịch bệnh gắn với đổi mới y tế cơ sở: Đổi mới mạnh mẽ tổ chức, hoạt động trạm y tế xã theo hướng linh hoạt, phù hợp quy mô dân số và đặc thù địa bàn; ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối liên thông; phát huy mô hình quân - dân y ở vùng sâu,

vùng xa, biên giới.

Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và phục hồi chức năng: Bảo đảm công bằng tiếp cận dịch vụ, phát triển kỹ thuật cao ngay tại địa phương; quy hoạch, nâng cấp hệ thống bệnh viện, trung tâm y tế, phát triển chuyên khoa mũi nhọn; xây dựng mạng lưới cấp cứu đồng bộ; khuyến khích bệnh viện tư nhân chất lượng cao; đẩy mạnh hội chẩn từ xa, chuyên giao kỹ thuật; đầu tư bệnh viện tuyến tỉnh và trung tâm phục hồi chức năng đạt chuẩn khu vực.

Công tác dân số: Duy trì mức sinh hợp lý, cân bằng giới tính khi sinh; thực hiện các giải pháp để giảm tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống tại các vùng dân tộc thiểu số; nâng cao chất lượng dân số qua chăm sóc sức khỏe sinh sản, tư vấn tiền hôn nhân, đào tạo nghề cho thanh niên; thích ứng với già hóa dân số bằng mô hình chăm sóc người cao tuổi, câu lạc bộ liên thế hệ, cơ sở dưỡng lão; điều chỉnh phân bố dân cư gắn với nông thôn mới, đô thị hóa.

Phát triển nguồn nhân lực y tế: Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế đủ số lượng, chất lượng, cơ cấu hợp lý; chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài; chuẩn hóa đào tạo, giáo dục y đức, tinh thần phục vụ và kỹ năng giao tiếp.

Nghiên cứu, ứng dụng khoa học – công nghệ: Đổi mới cơ chế quản lý KH-CN; nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật tiên tiến; phát triển y dược cổ truyền dựa trên dược liệu địa phương; đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng y tế thông minh trên nền tảng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn.

Đổi mới tài chính và bảo hiểm y tế: Quản lý tài chính minh bạch, gắn với kết quả; huy động xã hội hóa và PPP; mở rộng diện bao phủ BHYT, hỗ trợ nhóm yếu thế; đa dạng hình thức đóng BHYT; nâng cao chất lượng dịch vụ BHYT và kiểm soát chặt quỹ BHYT.

Y tế gắn với quốc phòng – an ninh: Phát huy lực lượng quân y, biên phòng, công an trong chăm sóc sức khỏe vùng sâu, xa, biên giới, hải đảo; nâng cấp cơ sở y tế vùng biển, đảo; trang bị y tế cho tàu thuyền; đào tạo kỹ năng sơ cứu cho ngư dân và cộng đồng ven biển; tăng cường phối hợp giữa y tế địa phương và lực lượng vũ trang.

Phối hợp liên ngành, hợp tác quốc tế, truyền thông y tế: Y tế làm đầu mối lồng ghép mục tiêu sức khỏe vào các ngành; phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức xã hội và nhân dân; mở rộng hợp tác quốc tế, trao đổi nhân lực, kỹ thuật; đẩy mạnh truyền thông y tế công khai, minh bạch, kịp thời.

Hoàn thiện thể chế và quản lý nhà nước: Sửa đổi, bổ sung kịp thời các văn bản pháp luật; kiện toàn tổ chức y tế công lập tinh gọn, hiệu quả; khuyến khích y tế ngoài công lập; cải cách hành chính, phân cấp, nâng cao trách nhiệm giải trình, kỷ luật, kỷ cương trong hệ thống y tế.

5.4. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội

Mở rộng và phát triển toàn diện các lĩnh vực an sinh xã hội. Thực hiện hiệu quả chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, an ninh xã hội, an ninh con người theo hướng bao trùm, công bằng, bền vững; ưu tiên các đối tượng chính sách, đối tượng yếu thế và đối tượng trong khu vực phi chính thức, “không để ai bỏ lại phía sau”. Phát triển và hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội trong mối quan hệ gắn kết chặt chẽ, cân bằng với phát triển và hoàn thiện hệ thống chăm sóc xã hội đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ ngày càng tăng của người dân.

Thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, điều dưỡng, đền ơn đáp nghĩa người có công với cách mạng. Chú trọng nâng cao đời sống đối với người có công, đồng bào dân tộc thiểu số, đối tượng yếu thế. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng; công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, phát triển thanh niên; chăm sóc, bảo vệ người già và trẻ em, nhất là trẻ em gái. Khuyến khích làm giàu chính đáng.

Thực hiện tốt các chính sách, bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, dạy nghề, chuyển đổi nghề cho ngư dân... Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn.

6. Quản lý và sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên, khoáng sản quan trọng; tăng cường bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

Quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai cho thu hút đầu tư, phát triển đồng bộ với thúc đẩy đô thị hóa bền vững. Hoàn thành các quy hoạch chung, quy hoạch vùng, quy hoạch phân khu, quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2026 - 2030, làm cơ sở để các cấp, các ngành sử dụng quỹ đất tiết kiệm, hiệu quả; khai thác tốt tiềm năng đất đai, thu hút các nhà đầu tư quan tâm đầu tư vào khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao; các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, tạo nguồn thu từ đất đai cho ngân sách, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Bảo vệ rừng, phát triển rừng, cải tạo rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, phục hồi rừng góp phần phát triển lâm nghiệp bền vững. Quản lý, bảo vệ 100% diện tích rừng tự nhiên, rừng trồng hiện có. Thực hiện quyết liệt các biện pháp bảo vệ rừng và PCCCR, hạn chế tối đa tình trạng phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật và mua bán, vận chuyển, tàng trữ, chế biến lâm sản, động vật hoang dã trái pháp luật, chống người thi hành công vụ; lập hồ sơ xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật góp phần bảo vệ an ninh quốc phòng, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Chú trọng công tác phát triển rừng, cải tạo rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, phục hồi rừng. Đẩy mạnh công tác trồng rừng sau khai thác rừng trồng, trồng rừng mới trên đất trống, đồi núi chưa có rừng. Kiểm soát chặt chẽ, hạn chế tối đa việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, nhất là đối với rừng tự nhiên. Tăng cường công tác kiểm tra, phát hiện ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi xâm hại tài nguyên rừng. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật để nâng cao nhận thức của các tầng lớp xã hội, góp phần phát triển lâm nghiệp bền vững.

Nâng cao tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn; dân số đô thị được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung. Tập trung đầu tư, đưa vào khai thác, vận hành các công trình, dự án cấp nước sinh hoạt, nước sạch tập trung theo quy hoạch được duyệt; Tiếp tục mở rộng, phát triển cấp nước các công trình hiện có, các công trình cấp nước đô thị cấp cho các xã lân cận, vận động đầu tư để nâng tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch. Tuyên truyền, vận động người dân để nâng cao nhận thức và hiệu quả trong việc sử dụng nước sạch.

Phát triển hạ tầng thu gom, phân loại, xử lý, tái chế chất thải gắn với kinh tế tuần hoàn, bảo tồn đa dạng sinh học; tham gia hiệu quả thị trường carbon; phát triển ngành công nghiệp và dịch vụ môi trường, thúc đẩy xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường theo định hướng phân vùng. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch bảo vệ môi

trường, Kế hoạch quản lý chất thải rắn, Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí,... Phần đầu thực hiện đạt mục tiêu đề ra về tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn được thu gom, xử lý đảm bảo. Tiếp tục thực hiện công tác quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học. Thành lập mới và nâng mức độ bảo tồn đối với các khu bảo tồn thiên nhiên trên địa bàn tỉnh.

7. Xây dựng chính quyền

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động chính quyền các cấp; đẩy mạnh cải cách hành chính. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của UBND các cấp trong tỉnh. Tập trung hoàn thiện thể chế về tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các cấp. Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực. Xác định rõ vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các sở, ngành tỉnh và phòng, ban cấp xã. Thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm tinh gọn, có năng lực tự chủ, hoạt động hiệu quả.

Xây dựng đội ngũ công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, tinh thông về nghiệp vụ, năng động, sáng tạo. Hoàn thiện danh mục và bản mô tả vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức, tinh giản biên chế và cải cách chính sách tiền lương.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong cải cách hành chính, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính. Tăng cường giám sát, kiểm tra việc thực hiện cải cách hành chính. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp; nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) và Chỉ số đo lường sự hài lòng người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính tỉnh (SIPAS), điểm chỉ số năm sau cao hơn năm trước

8. Tăng cường quốc phòng, đảm bảo an ninh trật tự, tạo môi trường ổn định phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, lòng tự tôn dân tộc, ý thức bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, gắn với xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch, phản động. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển kinh tế, xã hội với quốc phòng, an ninh.

Nâng cao chất lượng tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang tỉnh. Tập trung xây dựng lực lượng vũ trang theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp; tham gia xử lý có hiệu quả các tình huống quốc phòng, an ninh; phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự; đổi mới, nâng cao chất lượng huấn luyện, diễn tập; thực hiện tốt công tác tuyển chọn, gọn công dân nhập ngũ, chính sách hậu phương quân đội và công tác đối ngoại quốc phòng; bảo đảm vững chắc an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, tạo điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, hội nhập quốc tế của tỉnh. Bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh văn hóa tư tưởng, an ninh kinh tế, an ninh xã hội, an ninh tôn giáo, an ninh con người, an ninh thông tin, an

ninh mạng.

9. Củng cố và mở rộng quan hệ đối ngoại

Duy trì và đẩy mạnh phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị với các đối tác và địa phương có quan hệ hợp tác hữu nghị truyền thống, mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác phù hợp với yêu cầu và điều kiện của tỉnh, nhất là mối quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt giữa tỉnh Gia Lai với các tỉnh Nam Lào, Đông Bắc Campuchia gắn với ổn định biên giới hiện quản, các địa phương, đối tác thuộc các quốc gia Châu Âu và các nước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương; tăng cường phối hợp giữa các kênh thông tin với cơ quan đối ngoại của tỉnh, kết hợp chặt chẽ giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân; mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác phù hợp với yêu cầu và điều kiện của tỉnh nhằm thu hút nguồn ngoại lực, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh của tỉnh.

Nâng cao hiệu quả các hoạt động xúc tiến đầu tư - thương mại - du lịch ra nước ngoài và các sự kiện đối ngoại quan trọng tại tỉnh gắn với đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, giới thiệu tiềm năng, thế mạnh và các cơ chế, chính sách, dự án kêu gọi theo hướng đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài đến thăm, khảo sát, tìm hiểu và đăng ký đầu tư tại tỉnh. Triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ liên quan đến Thỏa thuận hợp tác giữa tỉnh Bình Định với các đối tác nước ngoài đã ký kết, chú trọng nâng cao tính hiệu quả, thiết thực trong các mối quan hệ đối ngoại.

Thiết lập các đầu mối quan trọng và tranh thủ sự quan tâm, ủng hộ của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài để kết nối, trao đổi thông tin liên lạc phục vụ xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch và tuyên truyền, giới thiệu hình ảnh, chủ trương, chính sách của tỉnh ra nước ngoài.

Tăng cường cơ sở vật chất, biên chế phục vụ đối ngoại và hội nhập quốc tế của tỉnh, đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ đối ngoại và ngoại ngữ cho cán bộ, công chức làm công tác đối ngoại đáp ứng nhu cầu mở rộng quan hệ hợp tác và hội nhập quốc tế trong giai đoạn tới.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh và đối ngoại giai đoạn 2021 – 2025 và nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2026 – 2030, UBND tỉnh Gia Lai kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./. 

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, CT, XD, NN&MT, VH-TT&DL, KH&CN;
- CVP, PVP TH;
- Lưu: VT, P.KTTH, T3.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh